



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN  
BUON DON HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY



Tầng 7, KS. Biệt Điện, 01 Ngô Quyền, P. Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, T. Đắk Lắk.



02623.891368



Thuydienbuondon.vn



02623.891348

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2021





**ÔNG VŨ THÀNH DANH  
CHỦ TỊCH HĐQT**

## **THÔNGIỆP**

### **CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN**

**Kính gửi: Quý Cổ đông**

Qua nhiều năm hình thành và phát triển, BDHC đã đi vào sản xuất kinh doanh ổn định, phát huy hiệu quả kinh tế.

Trong năm 2021, trước bối cảnh đại dịch Covid-19, BDHC luôn chủ động ứng phó kịp thời, đảm bảo mục tiêu kép “phòng chống dịch Covid-19 - tập trung sản xuất”.

Bên cạnh sự phát triển về kinh tế, BDHC luôn hướng tới sự phát triển bền vững thông qua việc liên tục cập nhật, ứng dụng công nghệ trong quản trị rủi ro, cải tiến kỹ thuật. Gắn hoạt động của mình với sự phát triển của xã hội, thường xuyên tổ chức nhiều chương trình thiện nguyện, tri ân các gia đình chính sách, người có công với cách mạng; ủng hộ chương trình người nghèo đón tết của địa phương....

Năm 2022 Công ty tiếp tục kiện toàn công tác quản trị, điều hành, phát triển văn hóa doanh nghiệp, tạo môi trường làm việc thuận lợi để phát huy tính sáng tạo, tinh thần trách nhiệm của người lao động. Đồng thời luôn chú trọng đào tạo đội ngũ nhân viên, lực lượng quản lý, nâng cao trình độ chuyên môn kỹ thuật để làm chủ thiết bị nhà máy, chủ động nắm bắt công nghệ, kỹ thuật mới, sẵn sàng tiếp cận khi có công trình, dự án. Cùng với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, Công ty sẽ dành nhiều tâm huyết hơn nữa, đẩy mạnh hơn nữa công tác trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp đối với các vùng còn khó khăn tại địa phương.

Tôi tin tưởng rằng với sự đồng hành, ủng hộ của Quý Cổ đông, BDHC sẽ luôn vượt qua mọi khó khăn thách thức, hoàn thành mục tiêu mà Quý Cổ đông giao phó. Tôi xin trân trọng cảm ơn sự tin nhiệm và ủng hộ của Quý vị Cổ đông. Đặc biệt, tôi muốn dành lời cảm ơn chân thành tới toàn thể CBCNV BDHC, những người đã gắn bó với BDHC cho đến ngày hôm nay.

Chúc Quý cổ đông và tập thể BDHC sức khỏe và thành công!

# MỤC LỤC

## Thông tin chung

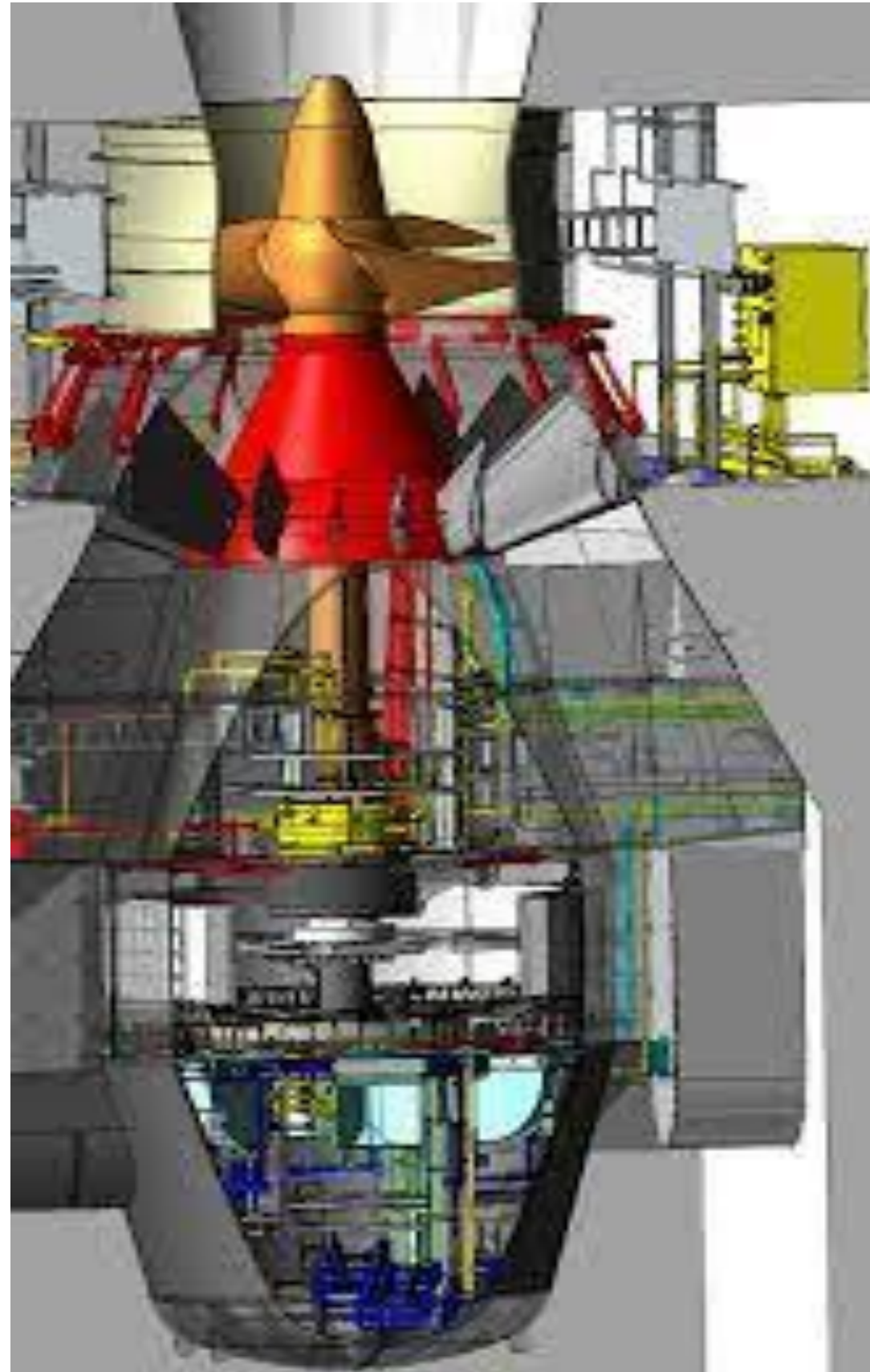
- Thông tin khái quát
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Mô hình quản trị và cơ cấu tổ chức
- Định hướng phát triển
- Rủi ro

## Tình hình hoạt động SXKD năm 2021

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông và thay đổi trong vốn đầu tư chủ sở hữu
- Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội
- Trách nhiệm với cộng đồng địa phương

## Báo cáo của Ban Giám đốc

- Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý
- Kế hoạch phát triển trong tương lai
- Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
- Trách nhiệm môi trường và xã hội



## Báo cáo của Hội đồng quản trị

- Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty
- Đánh giá hoạt động của Ban Giám đốc
- Kế hoạch định hướng của HĐQT

## Quản trị Công ty

- Hội đồng Quản trị
- Ban kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và Ban kiểm soát

## Báo cáo tài chính

- Báo cáo kiểm toán độc lập
- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo kết quả hoạt động SXKD
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Thuyết minh báo cáo tài chính



## THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát
- Thành tựu và giải thưởng
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Mô hình quản trị và cơ cấu tổ chức
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro





## THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn



---

*Tên giao dịch Quốc Tế: Buon Don Hydropower Joint Stock Company*

*Tên viết tắt: BDHC*

*Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 6000884487*

*Vốn điều lệ: 630.197.230.000 đồng (Sáu trăm ba mươi tỷ, một trăm chín mươi bảy triệu, hai trăm ba mươi ngàn đồng)*

*Mã chứng khoán: BSA*



# QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

2014 - 2021

Vận hành Nhà máy thủy điện  
Srêpôk 4A an toàn

2014

Tháng 01/2014 hòa  
lưới TM2 vào hệ  
thống điện Quốc Gia

2013

Tháng 12/2013 hòa  
lưới TM1 vào hệ  
thống điện Quốc Gia

2010

Công ty được UBND tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng  
nhận đầu tư.  
Dự án được Chính phủ ký bổ sung vào quy hoạch  
điện VI.

2009

Thành lập Công ty Cổ phần  
Thủy điện Buôn Đôn.



## THÀNH TỰU VÀ GIẢI THƯỞNG

- Chi bộ Công ty được Đảng ủy Cơ quan đoàn thể TP. BMT trao Giấy khen hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2021
- Công đoàn Công ty được Công đoàn ngành Công Thương trao Giấy khen CDCS vững mạnh năm 2021



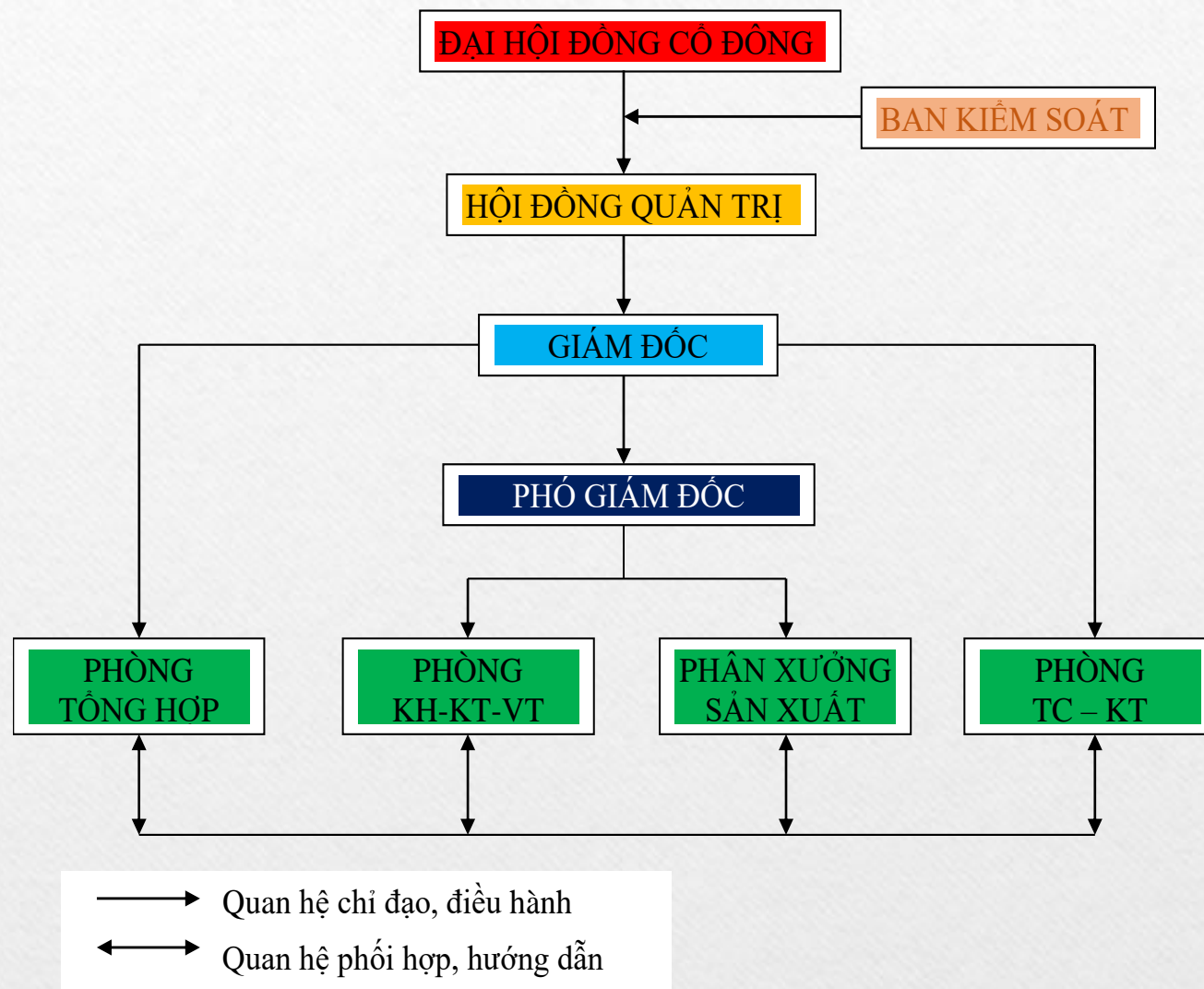
## NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh điện năng
- Địa bàn kinh doanh: Công ty vận hành sản xuất Nhà máy thủy điện Srêpôk 4A đặt tại xã Krông Na, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk.





# MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC



## CÔNG TY GÓP VỐN:

- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 4: 31%
- Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại: 15%
- Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa: 25%
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 2: 5%



# ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

## Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Vận hành Nhà máy thủy điện Srêpôk 4A an toàn, khai thác hiệu quả nguồn nước, nâng cao hiệu suất phát điện tạo ra giá trị sản lượng cao nhất.
- Không ngừng xây dựng, nâng cao năng lực chuyên môn phục vụ cho công tác vận hành an toàn.
- Đổi mới quản trị doanh nghiệp; Tối ưu hóa chi phí; Ổn định và phát triển mạnh mẽ các nguồn lực để nâng cao hiệu quả SXKD.
- Đảm bảo ổn định việc làm và đời sống cho người lao động.

## Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Quản lý và vận hành nhà máy thủy điện đảm bảo ổn định, liên tục, an toàn và tin cậy.
- Phát huy mọi nguồn lực có sẵn để duy trì sự ổn định và nâng cao năng lực sản xuất.
- Nghiên cứu mở rộng quy mô, đầu tư phát triển ngành nghề kinh doanh đặc biệt có thể mạnh là đầu tư và xây dựng các dự án điện.







## ☼ Mục tiêu phát triển bền vững

BDHC luôn hướng đến sự phát triển bền vững, hướng đến một công ty uy tín về đầu tư, quản lý, thực hiện các dự án nguồn điện; Các dịch vụ đào tạo phát triển nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các nhà máy thủy điện, các công tác môi trường liên quan đến thủy điện

## ☼ Các rủi ro

Điều kiện thời tiết là rủi ro chủ yếu và có ảnh hưởng nhất đến Công ty hoạt động trong lĩnh vực thủy điện đặc biệt là ảnh hưởng do khô hạn thiếu nước sản xuất.

Với đặc thù công trình không có hồ điều tiết, Công ty không chủ động được trong công tác vận hành sản xuất theo kế hoạch đề ra do phụ thuộc hoàn toàn vào lưu lượng nước về từ các hồ thủy điện bậc trên và nguồn nước này lệ thuộc hoàn toàn vào điều kiện thiên nhiên.

Ngoài ra các thiên tai khác như mưa lớn có thể gây thiệt hại sự cố trong phát điện và tăng chi phí sửa chữa



## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức nhân sự
- Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông và thay đổi trong vốn đầu tư chủ sở hữu
- Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

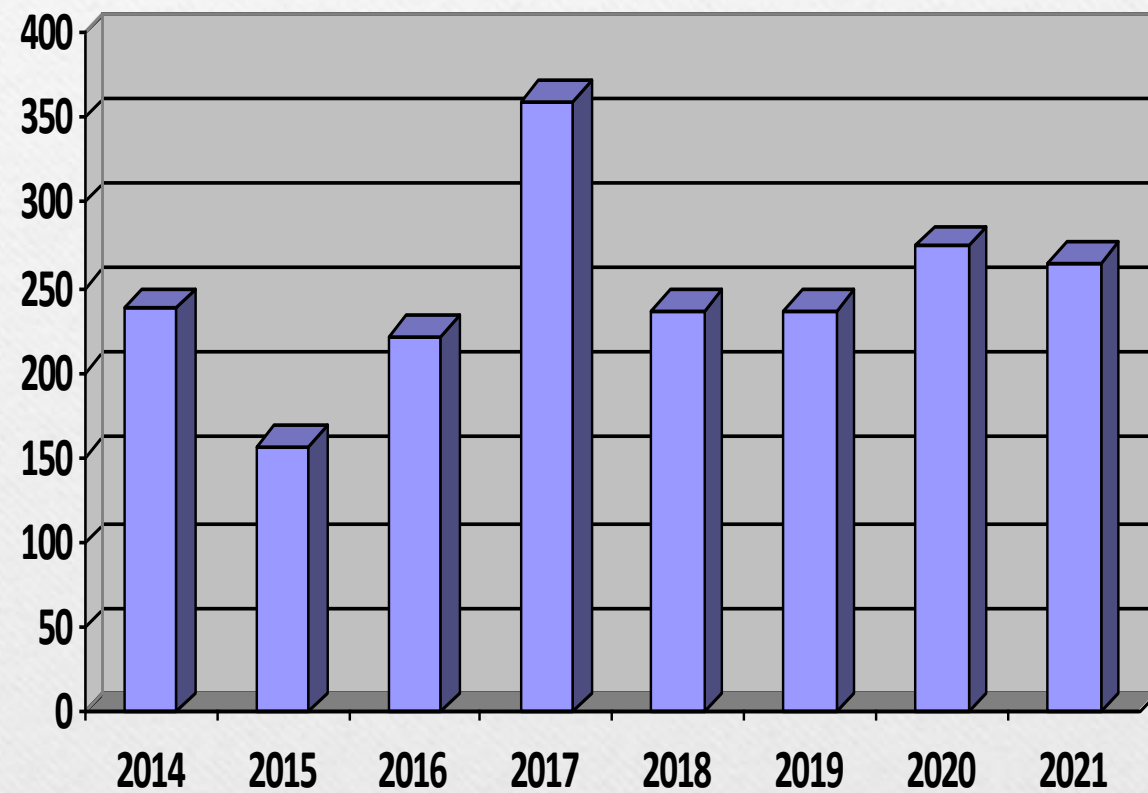




# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

**Sản lượng điện qua các năm  
(2014-2021)**

Đơn vị tính: triệu kWh



**Tổng hợp tình hình SXKD  
năm 2021**

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021
I	Sản lượng điện thương mại	Tr. kWh	230	265,37
II	Tổng doanh thu	Tr. đồng	268.328,36	330.206,81
III	Tổng chi phí	Tr. đồng	223.214,28	228.287,80
IV	Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	45.114,08	101.919,01
	Thuế TNDN	Tr. đồng	2.255,70	5.194,30
V	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	42.858,38	96.724,71



## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### Danh sách HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)
1	Vũ Thành Danh	Chủ tịch HĐQT	188.120	0,30
2	Trần Hoài Nam	TV HĐQT	49.365	0,08
3	Nguyễn Văn Tuấn	TV HĐQT	56.435	0,09
4	Lê Hoàng Triều	TV HĐQT	330	0,00
5	Nguyễn Thị Hương Giang	TV HĐQT	-	-
6	Nguyễn Thị Thanh Hoa	Trưởng Ban kiểm soát	61.691	0,10
7	Phạm Quốc Thái	TV Ban kiểm soát	131.683	0,21
8	Trần Thị Bích Phượng	TV Ban kiểm soát (từ 01/01/2021 đến 19/4/2021)	-	-
9	Trần Tuyết Loan	TV Ban kiểm soát (kể từ ngày 19/04/2021)	-	-
10	Trương Hải Quang	Giám đốc	124.515	0,20
11	Phan Quang Vũ	Phó Giám đốc	9.058	0,01
12	Phạm Văn Tùng	Kế toán trưởng	-	-



## GIỚI THIỆU VỀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



**Ông Vũ Thành Danh - Chủ tịch HĐQT**

---

<b>Ngày sinh</b>	<b>19/08/1964</b>
------------------	-------------------

<b>Quốc tịch</b>	<b>Việt Nam</b>
------------------	-----------------

<b>Địa chỉ thường trú</b>	<b>78/37 Tuệ Tĩnh – Nha Trang - Khánh Hòa</b>
---------------------------	---

<b>Trình độ chuyên môn</b>	<b>Cử nhân Tài chính – Tín dụng, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh</b>
----------------------------	--

**Ông tham gia vào ngành điện từ năm 1988**

---

**Hiện Ông đang đảm nhận chức danh Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn nhiệm kỳ (2019-2024)**

---



## GIỚI THIỆU VỀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



### Ông Nguyễn Văn Tuấn – Thành viên HĐQT

Ngày tháng năm sinh 18/8/1961

Quốc tịch Việt Nam

Địa chỉ thường trú Phả Lại - Chí Linh - Hải Dương

Trình độ chuyên môn Kỹ sư hệ thống điện điện, Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

Ông tham gia vào ngành điện từ năm 1982

Ông tham gia HĐQT với tư cách là ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Bùn Đôn nhiệm kỳ (2019-2024)



### Ông Lê Hoàng Triều – Thành viên HĐQT

Ngày tháng năm sinh 12/4/1969

Quốc tịch Việt Nam

Địa chỉ thường trú Cư xá B, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa, P. Long Hương, TP. Bà Rịa, T. Bà Rịa – Vũng Tàu

Trình độ chuyên môn Kỹ sư hệ thống điện, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Ông tham gia vào ngành điện từ năm 1993

Ông tham gia HĐQT với tư cách là ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Bùn Đôn nhiệm kỳ (2019-2024)





### **Ông Trần Hoài Nam – Thành viên HĐQT**

<b>Ngày tháng năm sinh</b>	<b>04/3/1960</b>
<b>Quốc tịch</b>	<b>Việt Nam</b>
<b>Địa chỉ thường trú</b>	<b>150A Lê Hồng Phong - Nha Trang - Khánh Hòa.</b>
<b>Trình độ chuyên môn</b>	<b>Kỹ sư hệ thống điện</b>

**Ông tham gia vào ngành điện từ năm 1983**

**Hiện Ông tham gia HĐQT với tư cách là ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn nhiệm kỳ (2019-2024)**



### **Bà Nguyễn Thị Hương Giang – Thành viên HĐQT**

<b>Ngày tháng năm sinh</b>	<b>21/4/1974</b>
<b>Quốc tịch</b>	<b>Việt Nam</b>
<b>Địa chỉ thường trú</b>	<b>69 Chu Mạnh Trinh - Bình Thọ - Thủ Đức – TP. Hồ Chí Minh</b>
<b>Trình độ chuyên môn</b>	<b>Đại học chuyên ngành Kinh tế tài chính, Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh</b>

**Bà tham gia vào ngành điện từ năm 1999**

**Bà tham gia HĐQT với tư cách là ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn nhiệm kỳ (2019-2024)**



# GIỚI THIỆU VỀ BAN KIỂM SOÁT



## **Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa – Trưởng Ban kiểm soát**

**Ngày tháng năm sinh** 02/06/1976

**Quốc tịch** Việt Nam

**Địa chỉ thường trú** 26/12 Cao Bá Quát, P. Phước Tân, TP. Nha Trang, Khánh Hòa

**Trình độ chuyên môn** Cử nhân kinh tế - Khoa Kế toán

**Bà tham gia vào ngành điện từ năm** 1999

**Hiện Bà đảm nhận chức vụ** Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn nhiệm kỳ (2019-2024)





### Ông Phạm Quốc Thái – Thành viên BKS

Ngày tháng năm sinh	19/04/1969
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Khu phố Hương Tân, P. Long Hương, TP. Bà Rịa, T. Bà Rịa - Vũng Tàu
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kế hoạch hóa kinh tế quốc dân; Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Ông tham gia vào ngành điện từ năm 1993

Hiện Ông là thành viên BKS Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn nhiệm kỳ (2019-2024)



### Bà Võ Thị Bích Phượng – Thành viên BKS

Ngày tháng năm sinh	25/10/1970
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	P. Long Hương, TP. Bà Rịa, T. Bà Rịa – Vũng Tàu
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế

Bà tham gia vào ngành điện từ năm 1989

Bà tham gia BKS với tư cách là thành viên BKS Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn nhiệm kỳ 2019-2024. Bà không còn là thành viên BKS Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn nhiệm kỳ 2019-2024 kể từ ngày 19/4/2021.



### Bà Trần Tuyết Loan – Thành viên BKS

Ngày sinh	02/05/1978
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	2249-KP6, đường Lê Lợi, P. Phước Hiệp, TP. Bà Rịa, BRVT
Trình độ chuyên môn	Chuyên viên Tài chính kế toán, thuế

Bà tham gia vào ngành điện từ năm 2003

Hiện bà là Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn nhiệm kỳ (2019-2024) kể từ ngày 19/4/2021.



## GIỚI THIỆU VỀ BAN ĐIỀU HÀNH



**Ông Trương Hải Quang – Giám đốc Công ty**

<b>Ngày tháng năm sinh</b>	<b>06/4/1982</b>
<b>Quốc tịch</b>	<b>Việt Nam</b>
<b>Địa chỉ thường trú</b>	<b>09 Hoàng Văn Thụ, TP. Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk</b>
<b>Trình độ chuyên môn</b>	<b>Kỹ sư điện khí hóa và cung cấp điện, Cử nhân Quản trị kinh doanh</b>
<b>Ông tham gia vào ngành điện từ năm 2006</b>	
<b>Hiện Ông đang đảm nhận chức danh Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn</b>	





### **Ông Phan Quang Vũ – Phó Giám đốc Công ty**

<b>Ngày tháng năm sinh</b>	<b>16/9/1982</b>
<b>Quốc tịch</b>	<b>Việt Nam</b>
<b>Địa chỉ thường trú</b>	<b>235/20, Mai Hắc Đế, P. Tân Thành, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk</b>
<b>Trình độ chuyên môn</b>	<b>Kỹ sư thủy lợi – thủy điện</b>
<b>Ông tham gia vào ngành điện từ năm 2005</b>	

**Hiện Ông đang đảm nhận chức danh Phó Giám đốc - Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn**



### **Ông Phạm Văn Tùng – Kế toán trưởng Công ty**

<b>Ngày tháng năm sinh</b>	<b>31/8/1975</b>
<b>Quốc tịch</b>	<b>Việt Nam</b>
<b>Địa chỉ thường trú</b>	<b>136/04 Vạn Xuân, P. Tân Thành, TP. Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk</b>
<b>Trình độ chuyên môn</b>	<b>Cử nhân kinh tế</b>

**Ông tham gia vào ngành điện từ năm 2009**

**Hiện Ông đang đảm nhận chức danh Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn**



Số lượng cán bộ, công nhân viên

**59** người

Thu nhập bình quân các năm

**2021: 11,6** triệu đồng

**2020: 10,8** triệu đồng





# Chính sách nhân sự

## ➤ Chính sách liên quan đến người lao động:

Luôn cam kết và thực hiện các quyền lợi chính đáng cho Người lao động theo quy định hiện hành của pháp luật: trích nộp đầy đủ các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, công đoàn phí,...

Luôn tạo điều kiện người lao động được phát triển năng lực phù hợp với bản thân, đáp ứng được các mục tiêu chiến lược phát triển của Công ty thông qua các hình thức phù hợp như đào tạo tại chỗ, tham gia các khóa đào tạo chuyên môn ngắn và dài hạn, lý luận chính trị, quản lý và tham gia các lớp tập huấn về An toàn vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy,.....

Thực hiện tốt chế độ bồi dưỡng hiện vật cho người lao động làm việc trong điều kiện môi trường có yếu tố độc hại nguy hiểm.

Có chính sách khen thưởng xứng đáng và kịp thời đối với tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong lao động, có sáng kiến cải tiến kỹ thuật giúp nâng cao năng suất lao động và hiệu quả kinh doanh.

Bên cạnh đó, các hoạt động Công đoàn, Đoàn thể cũng được đẩy mạnh, có nhiều chương trình giao lưu tạo sự gắn kết giữa cán bộ công nhân viên công ty. Từ đó, tập thể CBCNV trong Công ty luôn ý thức duy trì đoàn kết nội bộ tốt tạo được sức mạnh tổng hợp của toàn Công ty, là tiền đề cơ bản để hoàn thành tốt nhiệm vụ SXKD đề ra.

## ➤ Các biện pháp phòng tránh tai nạn lao động tại Công ty:

Thực hiện che chắn, cảnh báo các khu vực nguy hiểm, lắp thông gió cho các khu vực làm việc ở môi trường nhiệt độ cao, chiếu sáng đầy đủ ở các khu vực làm việc, ưu tiên sử dụng ánh sáng tự nhiên, kiểm tra sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị nghiêm ngặt theo đúng khuyến cáo của nhà sản xuất và kế hoạch trung tu, tiểu tu định kỳ hàng năm của Công ty đề ra.

Bố trí tủ thuốc y tế nơi làm việc để chăm sóc sức khỏe tốt nhất cho người lao động, trang bị vật tư, thiết bị y tế, khẩu trang nhằm đảm bảo tốt cho sức khỏe Người lao động.

## ➤ Trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân:

Cung cấp trang thiết bị bảo hộ lao động đầy đủ cho người lao động. Tùy từng vị trí, bộ phận công việc đảm nhận, người lao động được cấp phát phương tiện bảo vệ cá nhân phù hợp để giúp người lao động giảm thiểu tối đa những rủi ro do điều kiện và môi trường làm việc mang lại như: nóng, ồn, bụi, hơi khí độc, các điều kiện lao động nguy hiểm khác... Người lao động khi được trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân, bắt buộc phải sử dụng đúng quy định khi làm việc.

## ➤ Công tác tổ chức làm việc an toàn:

Tổ chức tốt mạng lưới an toàn vệ sinh viên của Công ty.

Thực hiện thời gian làm việc và nghỉ ngơi hợp lý.

Án định thời gian làm việc và thực hiện quy định về việc bố trí ca kíp tại nhà máy.

## ➤ Các chế độ khác:

Ngoài các chế độ nói trên, hàng năm Công ty phối hợp với Công đoàn và Đoàn thanh niên tổ chức các hoạt động có ý nghĩa như: thăm hỏi, hiếu hỷ, hỗ trợ cho NLD có hoàn cảnh khó khăn...; Tặng quà cho các cháu là con của NLD nhân dịp Tết Trung thu, Ngày quốc tế thiếu nhi; Tặng quà cho NLD nhân dịp tết nguyên đán, ....





# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	1.674.890.694.877	1.550.156.183.935	-7%
Doanh thu thuần	318.358.790.493	328.406.492.988	3%
Doanh thu hoạt động tài chính	1.304.066.092	1.800.320.659	38%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	75.398.883.467	101.919.010.314	35%
Lợi nhuận khác	1.269.883.523	-	
Lợi nhuận trước thuế	76.668.766.990	101.919.010.314	33%
Lợi nhuận sau thuế	72.161.894.859	96.724.706.560	34%
Cổ tức:	60.017.281.000	Kế hoạch: 10%	
+ Cổ tức bằng Cổ phiếu (5%)	30.007.810.000		
+ Cổ tức bằng tiền mặt (5%)	30.009.471.000		





Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,39	1,61
+ Hệ số thanh toán nhanh			
Nợ ngắn hạn			
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	0,55	0,47
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	1,22	0,89
<b>3. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,67	29,45
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	9,55	11,79
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	4,31	6,24

---

## Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu



# CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

## Cổ phần:

- Mệnh giá 1 cổ phiếu	10.000 đồng
- Số lượng cổ phiếu niêm yết	63.019.723 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	63.019.723 cổ phiếu
- Cổ phiếu quỹ	0
- Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng	47.895.621 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng	15.124.102 cổ phiếu



## Cơ cấu cổ đông:

Dữ liệu thống kê về cổ đông lấy theo danh sách của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) số: S057/2021-BSA/VSD-ĐK ngày 04/10/2021 tại ngày đăng ký cuối cùng 30/9/2021 và Giấy Chứng nhận đăng ký chứng khoán số: 239/2017/GCNCP-VSD-4 ngày 01/11/2021 của VSD về việc phát hành bổ sung chứng khoán chi cổ tức bằng cổ phiếu năm 2020.

- Cơ cấu theo loại hình:

Cơ cấu cổ đông	Số cổ đông	Số lượng cổ phiếu nắm giữ (CP)	Tỷ lệ sở hữu (%)
Nước ngoài	-	-	-
Tổ chức	-	-	-
Cá nhân	-	-	-
Trong nước	405	63.019.723	100
Tổ chức	4	47.895.621	76
Cá nhân	401	15.124.102	24
Tổng cộng:	405	63.019.723	100

- Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu nắm giữ trên 5%:

Tên cổ đông	Số đăng ký sở hữu	Ngày cấp	Quốc tịch	Số lượng cổ phiếu nắm giữ (CP)	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 4	4200385474	07/4/2020	Việt Nam	19.536.372	31
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	3500701305	03/7/2019	Việt Nam	15.755.139	25
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	0800296853	01/4/2020	Việt Nam	9.453.083	15
Nguyễn Văn Luận	013348258	17/09/2010	Việt Nam	5.083.539	8,1
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 2	0300420157	14/05/2019	Việt Nam	3.151.027	05



**Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

Ngày 01/11/2021 Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2020 cho cổ đông (5%):

- Tổng số cổ phiếu trước khi phát hành: 60.018.942 cổ phiếu
- Tổng số cổ phiếu phát hành: 3.000.781 cổ phiếu
- Tổng số cổ phiếu sau khi phát hành: 63.019.723 cổ phiếu

**Giao dịch cổ phiếu quỹ:**  
không

**Các chứng khoán khác:**  
không





# BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG & XÃ HỘI

## Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: Nhà máy thủy điện Srêpôk 4A sử dụng nguồn nước để phát điện, không sử dụng các nguồn nguyên vật liệu khác.

Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Nhà máy thủy điện Srêpôk 4A không sử dụng nguyên vật liệu tái chế.

## Tiêu thụ năng lượng

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Điện tự dùng năm 2021 của Nhà máy thủy điện Srêpôk 4A là: 183.918 kWh.

Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không.

Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Không.

## Tiêu thụ nước

Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Nhà máy thủy điện Srêpôk 4A sử dụng trực tiếp nguồn nước từ kênh xả của nhà máy thủy điện Srêpôk 4 để phát điện. Lưu lượng phát điện lớn nhất qua nhà máy là: 492 m<sup>3</sup>/s.

Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Nhà máy thủy điện Srêpôk 4A không sử dụng nước tái chế.

## Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Thực hiện song song sản xuất đi đôi với bảo vệ môi trường là tiêu chí sản xuất của Công ty, luôn luôn duy trì môi trường Xanh – Sạch – Đẹp bảo vệ cảnh quan môi trường, trồng cây xanh tạo cảnh quan nhà máy.

Công ty luôn có trách nhiệm với các tác động tới môi trường và cuộc sống cộng đồng, thông qua các hành vi kiểm soát ô nhiễm và xử lý, tái chế chất thải, tiết kiệm tài nguyên. Trong năm 2021, Nhà máy thủy điện Srêpôk 4A đã thực hiện tốt luật pháp và các quy định về môi trường.





## TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Các hoạt động xã hội, từ thiện tại địa phương luôn được Lãnh đạo Công ty và Người lao động hưởng ứng, tham gia tích cực. Các hoạt động chính nổi bật trong năm 2021:

Trao 300 phần quà ủng hộ các hộ nghèo bị ảnh hưởng bởi dịch COVID 19 tại 3 xã Ea Wer, Ea Huar, Krông Na, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk



Ủng hộ kinh phí mua Vắc xin, trang thiết bị vật tư, y tế để điều trị phòng, chống dịch Covid-19 với số tiền 50 triệu đồng.





Bên cạnh đó, Công ty đặc biệt quan tâm tới thôn Thống Nhất, xã Krông Na, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk, là thôn kết nghĩa - nơi đặt Nhà máy thủy điện Srêpôk 4A. Cụ thể: hỗ trợ cải tạo nhà cộng đồng, thăm tặng quà các cháu thiếu nhi nhân dịp ngày 1-6, Tết Trung thu, thăm tặng quà các hộ khó khăn sau mùa lũ, các cháu có hoàn cảnh khó khăn, Gia đình có công với cách mạng nhân dịp Tết cổ truyền; tài trợ hoạt động thể thao hè,....







Hỗ trợ, tạo điều kiện cho người dân lấy nước tưới từ tuyến kênh của nhà máy phục vụ cho việc sản xuất hoa màu. Nhờ đó mà tình hình sản xuất hoa màu của cộng đồng dân cư khu vực dọc tuyến kênh của nhà máy được cải thiện, góp phần nâng cao đời sống của người dân trong khu vực.

Thông qua Hội chữ thập đỏ tỉnh Đắk Lắk, Công ty đã hỗ trợ 10 triệu đồng cho chương trình “Sống và máy tính cho em”, góp phần chung tay cùng cộng đồng chăm lo cho thế hệ tương lai của đất nước, đặc biệt là các em học sinh, sinh viên tại những khu vực khó khăn trên địa bàn Tỉnh. Đóng góp tuy nhỏ nhưng là nguồn động viên to lớn đối với các em học sinh, sinh viên.





## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

- Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021
- Kế hoạch phát triển trong tương lai





## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn (BDHC) trong năm 2021 gặp nhiều khó khăn và thử thách. Toàn xã hội đối mặt với đại dịch Covid- 19, đã ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường sản xuất kinh doanh nói chung và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nói riêng. BDHC luôn tuân thủ đầy đủ các quy định về phòng, chống dịch bệnh trong sản xuất theo đúng chỉ đạo của Chính phủ và của tỉnh nhằm đảm bảo tuyệt đối an toàn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Tổng kết chung năm 2021 là năm có tình hình khí tượng thủy văn tương đối thuận lợi tuy nhiên cũng có nhiều thách thức, thời tiết diễn biến thất thường đặc biệt các đợt mưa lũ đầu năm không theo quy luật và diễn biến nhiều bất ngờ. Để chuẩn bị ứng phó với những tình huống có nguy cơ ảnh hưởng đến an toàn công trình trên kênh cũng như thiết bị của nhà máy, BDHC đã chủ động nạo vét khơi thông dòng chảy cho toàn bộ hệ thống xi phông, gia cố các vị trí sạt trượt của tuyến kênh, bảo dưỡng thường xuyên thiết bị để đảm bảo công trình vận hành an toàn trong mọi tình huống. Ngoài ra được sự chỉ đạo xuyên suốt và kịp thời của HĐQT và sự cố gắng của toàn thể người lao động, Nhà máy luôn sẵn sàng đáp ứng khi được huy động. Sản lượng phát điện năm 2021 là 265 triệu kWh, đạt 115% so với kế hoạch năm được giao.



STT	THÔNG SỐ SXKD	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021
	Điện năng thương mại	Triệu Kwh	230,00	265,37
<b>I</b>	<b>DOANH THU</b>	Tr. Đồng	268.328,36	330.206,81
<b>II</b>	<b>LỢI NHUẬN</b>			
	Lợi nhuận trước thuế	Tr. Đồng	45.114,08	101.919,01
	Lợi nhuận sau thuế	Tr. Đồng	42.858,38	96.724,71



## ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC VẬN HÀNH CỦA NHÀ MÁY

Trong năm qua, để vận hành nhà máy tối ưu Công ty đã phối hợp với các đơn vị phát điện trên dòng sông không để xảy ra tình trạng xả nước thừa.

Ngoài ra, Công ty thường xuyên thực hiện công tác kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ các hạng mục công trình, máy móc thiết bị, phát hiện và khắc phục kịp thời nhằm đảm bảo lịch sản xuất theo đúng kế hoạch, đảm bảo tiến độ sửa chữa lớn phù hợp với kế hoạch đã đăng kí với Trung tâm điều độ hệ thống điện Quốc gia và Trung tâm điều độ hệ thống điện Miền Trung. Đến thời điểm hiện tại các tổ máy, thiết bị hoạt động ổn định sẵn sàng đáp ứng công suất khi được huy động





# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

## Tình hình tài sản

TT	Chỉ tiêu tài sản	01/01/2021	31/12/2021	Thay đổi	% thay đổi
	(1)	(2)	(3)	(4)=(3)-(2)	(4)/(2)
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	285.533.889.535	288.579.539.412	3.045.649.877	1,07%
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	1.389.356.805.342	1.261.576.644.523	(127.780.160.819)	-9,20%
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	1.674.890.694.877	1.550.156.183.935	(124.734.510.942)	-7,45%

Tổng tài sản đến thời điểm cuối năm của công ty giảm 124,73 tỷ đồng tương đương giảm 7,45%. Nguyên nhân là do khấu hao tài sản cố định trong năm làm giảm chỉ tiêu tài sản dài hạn.

## Tình hình nợ phải trả

TT	Chỉ tiêu nguồn vốn	01/01/2021	31/12/2021	Thay đổi	% thay đổi
	(1)	(2)	(3)	(4)=(3)-(2)	(4)/(2)
A	NỢ PHẢI TRẢ	919.546.524.367	729.587.825.539	(189.958.698.828)	-20,66%
1	Nợ ngắn hạn	205.604.203.103	178.834.014.275	(26.770.188.828)	-13,02%
2	Nợ dài hạn	713.942.321.264	550.753.811.264	(163.188.510.000)	-22,86%
B	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	755.344.170.510	820.568.358.396	65.224.187.886	8,64%
1	Vốn chủ sở hữu	755.344.170.510	820.568.358.396	65.224.187.886	8,64%
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-	-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	1.674.890.694.877	1.550.156.183.935	(124.734.510.942)	-7,45%

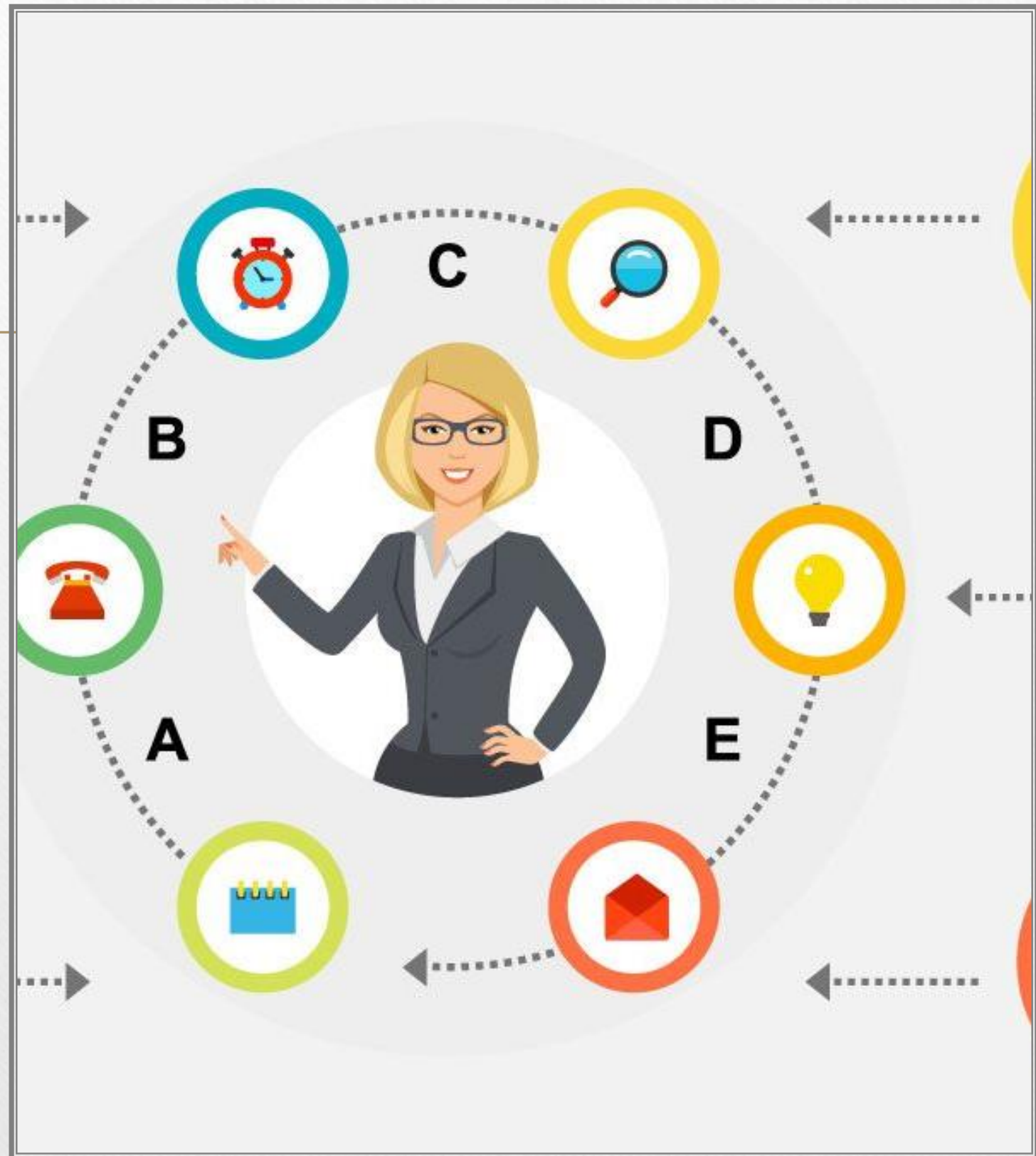
Nợ phải trả đến thời điểm cuối năm giảm 189,96 tỷ đồng tương đương giảm 20,66% so với cùng kỳ năm 2020. Nguyên nhân là do trả nợ gốc khoản vay dài hạn trong nước và vay dài hạn ngân hàng Sumitomo Mitsui.

Vốn chủ sở hữu đến thời điểm cuối năm tăng 65,22 tỷ đồng tương đương tăng 8,64% so với cùng kỳ năm 2020. Nguyên nhân do tăng vốn điều lệ, trích lập các quỹ và tăng lợi nhuận trong kỳ.



## Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

- Thực hiện các chính sách phù hợp, ổn định nguồn nhân lực: Phân phối tiền lương, tiền thưởng dựa trên các tiêu chí đánh giá về năng lực và hiệu quả công việc; Khuyến khích động viên tinh thần lao động tích cực, sáng tạo cho cán bộ, người lao động tham gia sản xuất vận hành, tạo động lực thúc đẩy phát triển sản xuất, thực hiện tốt các chính sách thi đua khen thưởng kịp thời...
- Thực hiện rà soát lại bộ máy nhân sự, các chức danh quản lý của Công ty, bổ nhiệm và luân chuyển cán bộ, công nhân viên nhằm lựa chọn đúng người vào đúng vị trí để NLD phát huy được hết khả năng của mình, đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty và tạo tiền đề cho những năm tiếp theo.
- Nâng cao chất lượng hoạt động của công nghệ thông tin, bảo mật và an toàn thông tin;





Luôn quan tâm cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động: Sửa chữa, cải tạo phòng làm việc, đảm bảo điện tích cần thiết, môi trường làm việc xanh, sạch, đẹp cho CBCNV

Thường xuyên bổ sung, thay thế các trang, thiết bị phòng làm việc; Kiểm tra, mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ công tác sản xuất.







Thường xuyên tổ chức họp điều hành kế hoạch sản xuất hàng tháng đảm bảo sự chỉ đạo kịp thời và hiệu quả.

---

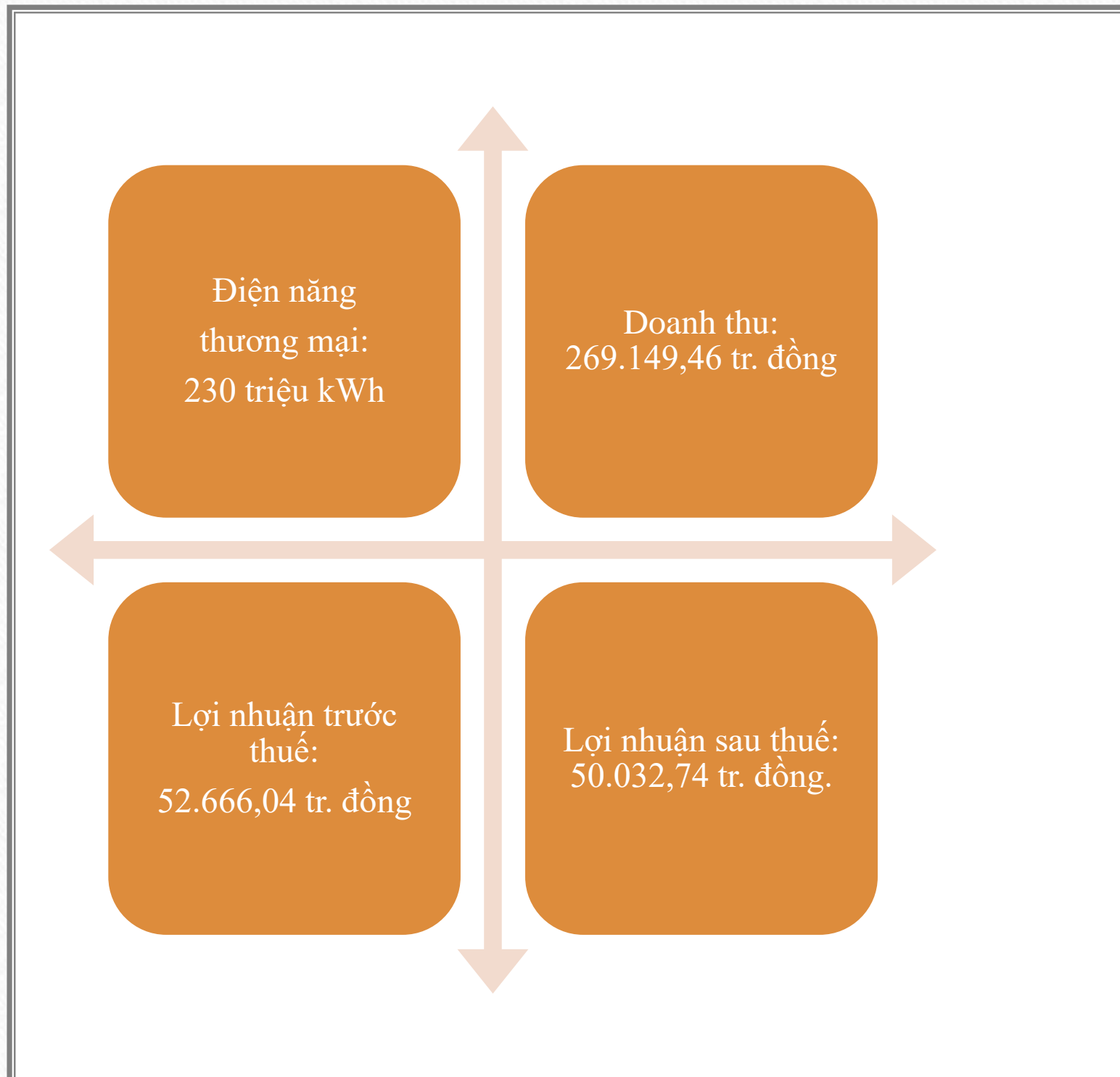


---

Thực hiện đẩy mạnh công tác quản trị tài chính. Đến cuối năm, các chỉ tiêu tài chính cơ bản của Công ty đạt kế hoạch do ĐHCĐ thường niên thông qua. Qua kiểm toán, Báo cáo tài chính của Công ty được đánh giá phản ánh trung thực, hợp lý, phù hợp với chuẩn mực và các quy định pháp lý.







## Kế hoạch phát triển trong tương lai

Dựa trên cơ sở các tình hình thực tế của Công ty, mục tiêu phấn đấu chung của Công ty cho năm 2022, Công ty đặt ra những mục tiêu và nhiệm vụ chi tiết cho từng hoạt động của Công ty năm 2022 như sau:



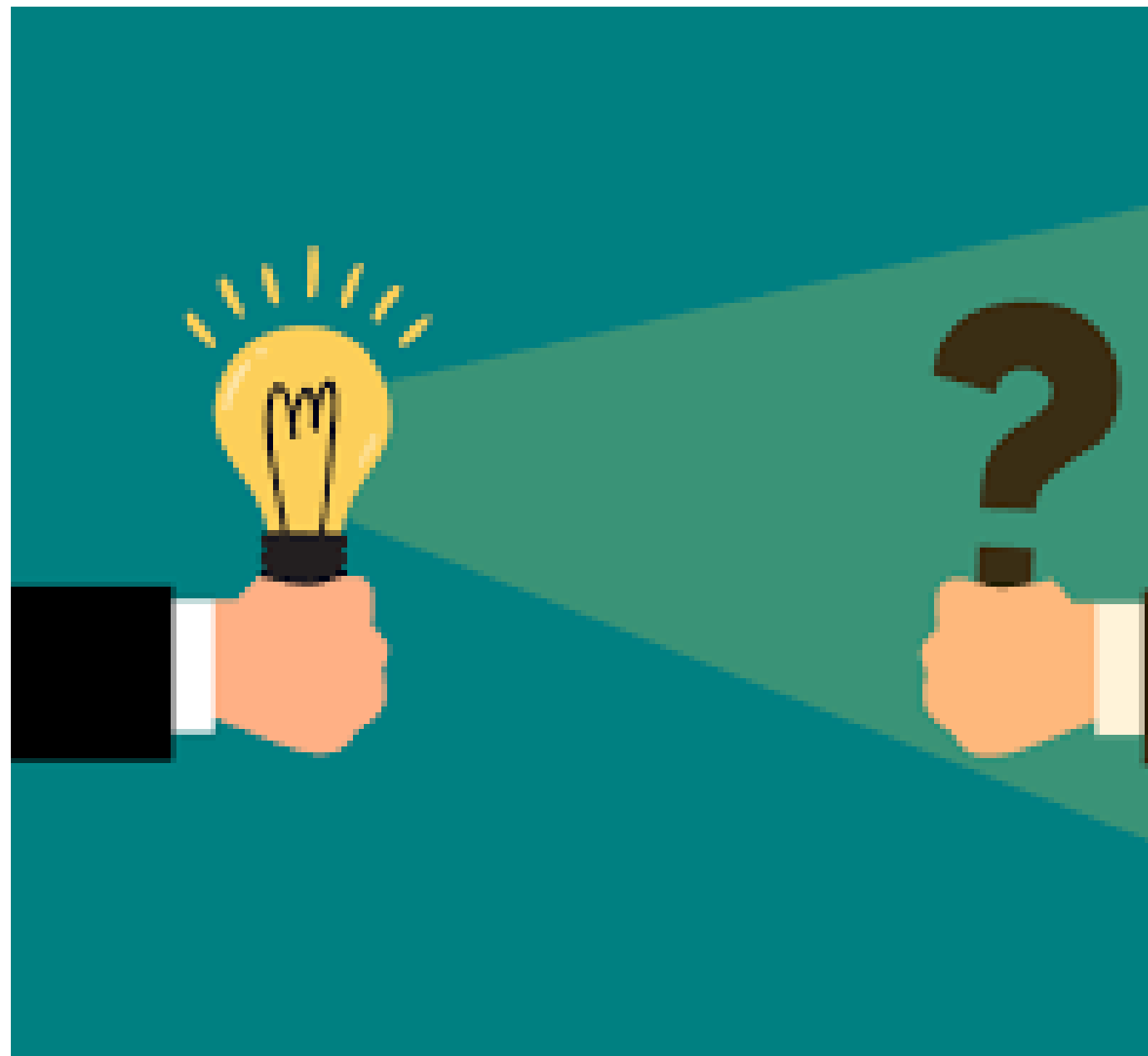


## Biện pháp để hoàn thành kế hoạch

Để hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh điện, đảm bảo kế hoạch doanh thu, lợi nhuận, cổ tức và quỹ tiền lương cho người lao động, Công ty cần đẩy mạnh công tác tối ưu hóa chi phí, nâng cao chất lượng vận hành, quản trị nguồn nhân lực và tài chính hợp lý, tăng hiệu quả sử dụng vốn. Cụ thể:

- Về vận hành: Nâng cao trình độ, kỹ năng của nhân viên vận hành bằng việc thường xuyên tổ chức đào tạo, huấn luyện, diễn tập xử lý sự cố trong công tác vận hành nhằm đảm bảo vận hành các tổ máy đạt hiệu quả cao nhất; phát huy phong trào thi đua “Ca vận hành an toàn kinh tế”.
- Về sửa chữa: Sắp xếp nguồn lực để rút ngắn tiến độ các công trình sửa chữa nhằm sớm đưa thiết bị vào vận hành, tăng sản lượng điện sản xuất, đồng thời phát huy tinh thần tiết kiệm trong công tác SCL nhưng vẫn đảm bảo kỹ thuật và tiến độ.
- Về mua sắm vật tư: Tổ chức mua sắm vật tư, thiết bị, phụ tùng phục vụ sửa chữa, sản xuất đảm bảo chất lượng, giá hợp lý.
- Về công tác nhân sự: Quản lý, sắp xếp, bố trí và sử dụng lao động hợp lý nhằm tăng hiệu quả làm việc. Thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; công tác kỹ thuật an toàn – vệ sinh lao động – PCCN phải được coi trọng và thực hiện thường xuyên. Giám sát chặt chẽ, kịp thời chấn chỉnh và khắc phục nhằm đảm bảo an toàn lao động cao nhất, không để xảy ra tai nạn lao động. Phát động và thực hiện công tác thi đua khen thưởng với nội dung thi đua sâu sắc, thực tế. Thực hiện tốt phong trào sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất nhằm tiết kiệm chi phí cho Công ty; tặng thưởng xứng đáng, kịp thời cho những sáng kiến có giá trị làm lợi lớn, ứng dụng rộng rãi.
- Về công tác tài chính: Tăng cường kiểm soát dòng tiền, kiểm soát chi phí. Theo dõi đầy nhanh công tác thu hồi công nợ, kiểm soát vật tư thiết bị tồn kho, giảm thiểu vật tư thiết bị dự phòng và duy trì ở mức hợp lý.
- Thực hành tiết kiệm: Toàn thể NLD cần đẩy mạnh việc thực hiện tiết kiệm trong mọi hoạt động, thực hiện nghiêm túc, tự giác các nội dung trong Quy chế Chi tiêu nội bộ của Công ty.
- Lãnh đạo Công ty tiếp tục tìm kiếm thêm cơ hội để đầu tư và sử dụng hiệu quả hơn nữa nguồn vốn của Công ty nhằm đem lại lợi nhuận cao nhất.





## Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

---

Theo báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021, đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn. Vì vậy, Ban Giám đốc không có ý kiến giải trình thêm.





## Trách nhiệm môi trường và xã hội

• **Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải,..):**

• **Tiêu thụ nước:** Nhà máy thủy điện Srêpôk 4A sử dụng trực tiếp nguồn nước từ kênh xả của nhà máy thủy điện Srêpôk 4 để phát điện. Lưu lượng phát điện lớn nhất qua nhà máy là: 492 m<sup>3</sup>/s. Lượng nước sau khi phát điện được trả lại sông Srêpôk.

• **Tiêu thụ năng lượng:** Điện tự dùng năm 2021 của Nhà máy thủy điện Srêpôk 4A là 183.918 kWh

• **Phát thải:** Nhà máy thủy điện Srêpôk 4A sử dụng nguồn nước để phát điện nên không phát sinh khí thải trong quá trình vận hành.

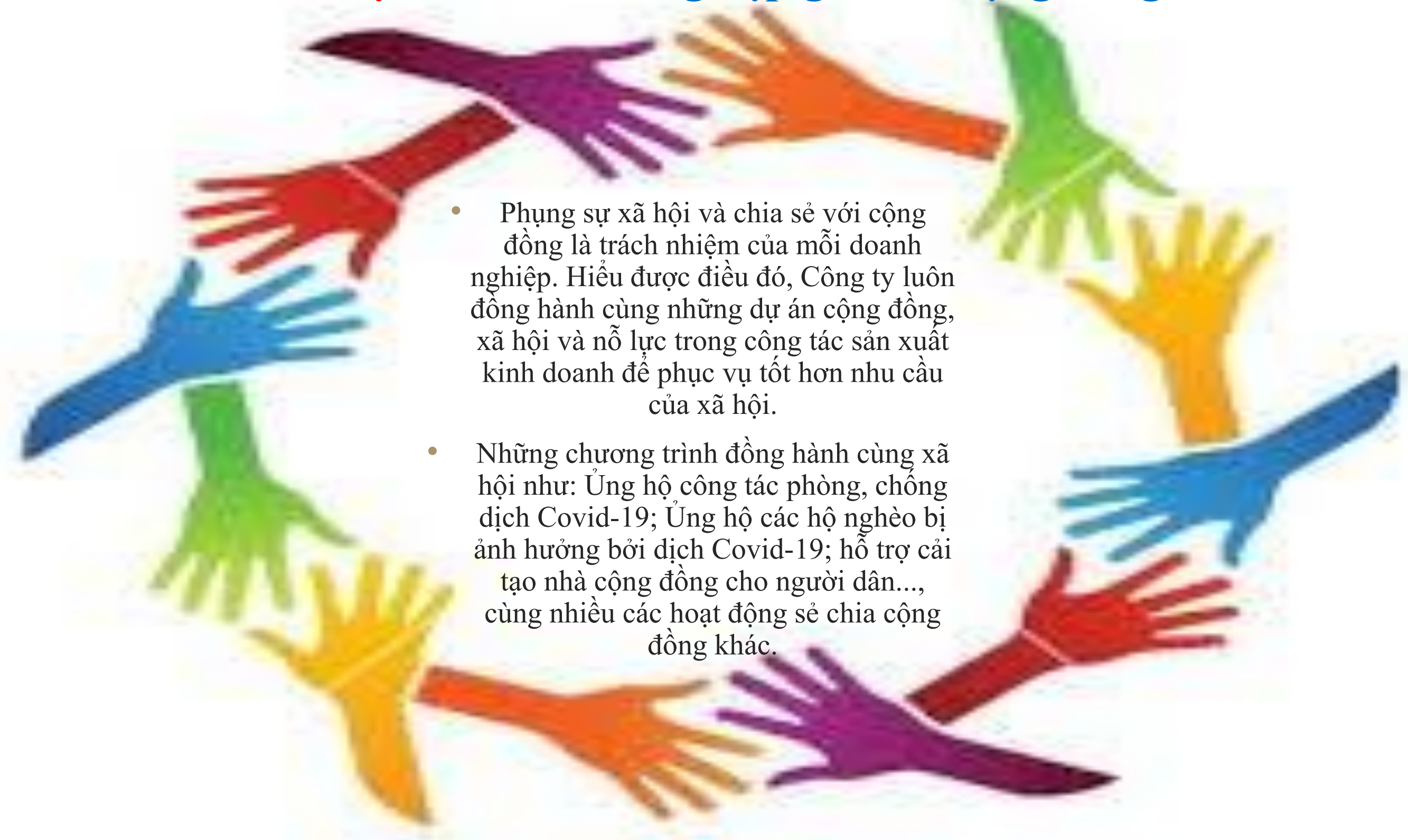
• **Chất thải nguy hại:** Hàng năm nhà máy đều tiến hành thu gom và xử lý chất thải nguy hại theo quy định.

• **Giám sát môi trường:** Nhà máy thực hiện công tác báo cáo giám sát môi trường định kỳ 1 lần/ năm theo đúng các quy định hiện hành.



## Trách nhiệm của doanh nghiệp gắn với cộng đồng

- Phụng sự xã hội và chia sẻ với cộng đồng là trách nhiệm của mỗi doanh nghiệp. Hiểu được điều đó, Công ty luôn đồng hành cùng những dự án cộng đồng, xã hội và nỗ lực trong công tác sản xuất kinh doanh để phục vụ tốt hơn nhu cầu của xã hội.
- Những chương trình đồng hành cùng xã hội như: Ủng hộ công tác phòng, chống dịch Covid-19; Ủng hộ các hộ nghèo bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19; hỗ trợ cải tạo nhà cộng đồng cho người dân..., cùng nhiều các hoạt động sẻ chia cộng đồng khác.





## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

- Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty
- Đánh giá hoạt động của Ban Giám đốc
- Kế hoạch định hướng của HĐQT





# ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT

## Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của công ty

Năm 2021 là năm tương đối khó khăn, đại dịch Covid – 19 ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty đã chủ động phát huy vai trò người điều hành và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hoạt động của Công ty. Cùng với sự đồng lòng vượt qua khó khăn của tập thể BDHC, Nhà máy thủy điện Srêpôk 4A vận hành ổn định. Công ty đã hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 do Đại hội đồng Cổ đông và HĐQT đề ra, đời sống của CBCNV được cải thiện tương đối tốt.







## Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động và nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT đã sát cánh cùng BĐH kịp thời đưa ra các quyết sách linh hoạt để đảm bảo mục tiêu phát triển an toàn – hiệu quả bền vững của Công ty. Hội đồng quản trị theo dõi, giám sát và hỗ trợ BĐH trước những khó khăn vướng mắc, phát huy trách nhiệm cá nhân của các thành viên HĐQT. Nhờ có sự hỗ trợ và giám sát chặt chẽ đó nên các vấn đề lớn, các phát sinh nghiệp vụ phức tạp thuộc chức trách thẩm quyền của HĐQT đều được giải quyết nhanh chóng, hiệu quả. Sự phối hợp với BKS trong kiểm tra giám sát cũng được HĐQT quan tâm thực hiện, các báo cáo giám sát của BKS đều được phân tích kỹ lưỡng và chỉ đạo đề ra biện pháp khắc phục.

Đánh giá chung, Ban điều hành Công ty đã tổ chức triển khai và điều hành các hoạt động SXKD của theo nội dung chỉ đạo của HĐQT và nghị quyết ĐHĐCĐ. Trong quá trình triển khai BĐH thường xuyên báo cáo HĐQT về tình hình SXKD cũng như tình hình tài chính và các mặt hoạt động khác của Công ty để có ý kiến chỉ đạo kịp thời.

Năm 2021 là năm có nhiều thách thức trong công tác SXKD, nhưng với năng lực quản lý, chuyên môn tốt, quyết tâm cao Ban điều hành Công ty đã tăng cường kỷ cương, chỉ đạo quyết liệt có trọng tâm, linh hoạt và bám sát nhiệm vụ chính để thực hiện nhiệm vụ SXKD theo các chỉ tiêu ĐHĐCĐ, HĐQT giao, mang lại hiệu quả và lợi ích thiết thực cho Công ty thông qua các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật đã đạt được.

Để phát huy những thành tích đã đạt được trong thời gian qua, BĐH cần nỗ lực hơn nữa trong công tác điều hành hoạt động sản xuất, đảm bảo lợi ích tốt nhất cho các Cổ đông.





# KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

## 1. Kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2021.

Chỉ đạo Ban điều hành xây dựng kế hoạch và các giải pháp cụ thể nhằm đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu đề ra của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021.

Tăng cường công tác quản lý, giám sát các hoạt động của Ban điều hành và bộ máy giúp việc Công ty.

Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022, đề xuất trình Đại hội những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Tổ chức các phiên họp thường kỳ, bất thường để thảo luận, giám sát và thông qua các báo cáo kết quả hoạt động của Công ty, để chỉ đạo kịp thời và hiệu quả việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT.

Tiếp tục rà soát, bổ sung và điều chỉnh các quy chế, quy trình, quy định của Công ty phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

## 2. Định hướng mục tiêu nhiệm vụ SXKD năm 2022.

### a. Mục tiêu:

Vận hành nhà máy thủy điện Srêpôk 4A an toàn, khai thác hiệu quả nguồn nước, nâng cao hiệu suất phát điện tạo ra giá trị sản lượng cao nhất;

Không ngừng xây dựng, nâng cao năng lực chuyên môn phục vụ cho công tác vận hành an toàn.

Đổi mới quản trị doanh nghiệp; Tối ưu hóa chi phí; Ổn định và phát triển mạnh mẽ các nguồn lực để nâng cao hiệu quả SXKD.

Đảm bảo ổn định việc làm và đời sống cho người lao động.

### b. Nhiệm vụ kế hoạch:

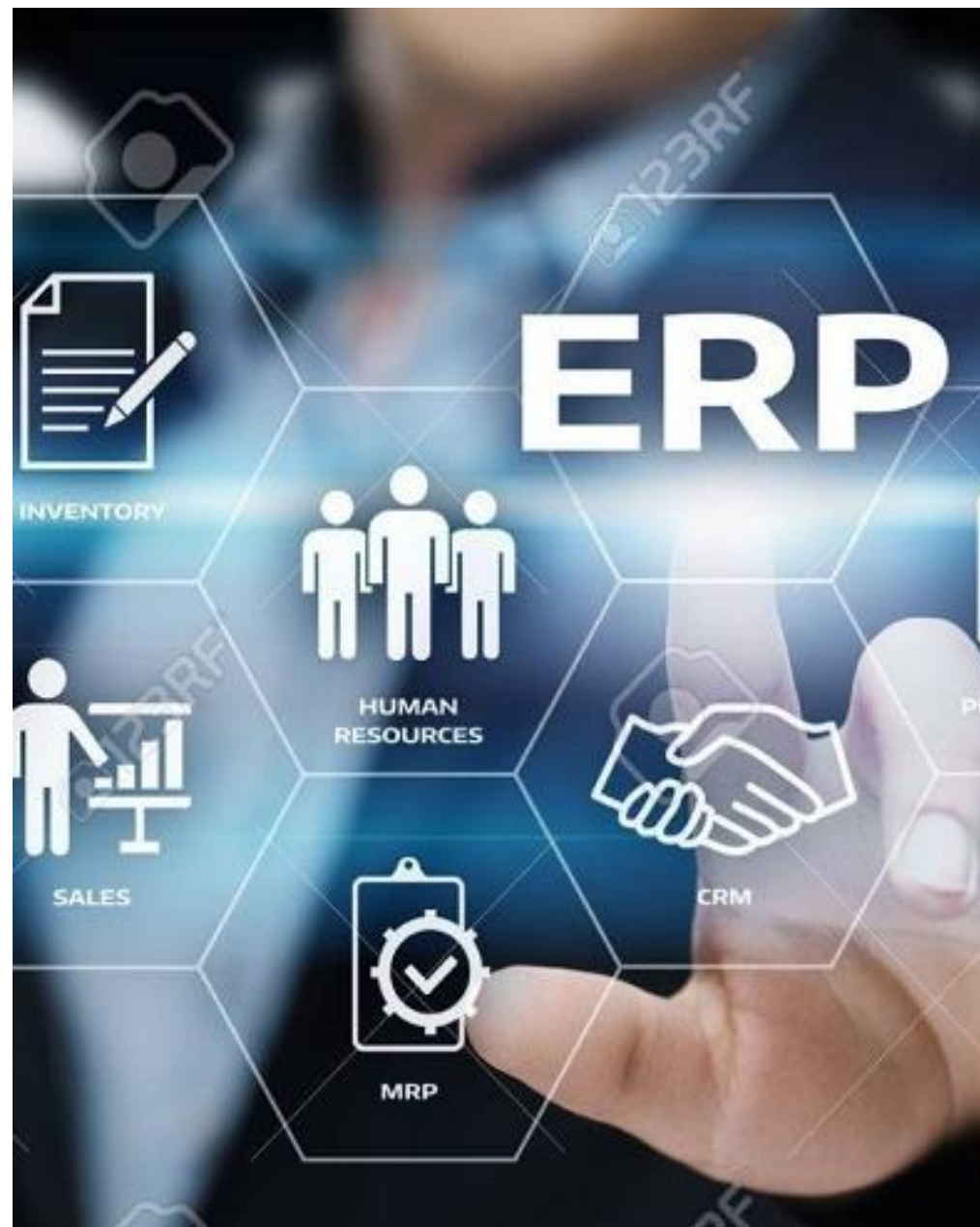
Xây dựng chiến lược đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.

Đảm bảo an toàn trong vận hành – bảo dưỡng thiết bị, không để xảy ra bất kỳ sự cố nào ảnh hưởng đến con người và thiết bị.

Hoàn thành kế hoạch sản xuất điện, phối hợp với Trung tâm điều độ Hệ thống điện Quốc gia khai thác có hiệu quả nguồn nước.

Tối ưu hóa chi phí, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và các nguồn lực trong Công ty. Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho CBCNV trong Công ty.





# QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hội đồng quản trị
- Ban Kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát



# HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu cá nhân (CP)	Số cổ phần đại diện (CP)	Ghi chú
01	Ông Vũ Thành Danh	Chủ tịch	188.120	19.536.372	NĐD phần vốn của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 4
02	Ông Trần Hoài Nam	Thành viên	49.365	-	-
03	Ông Lê Hoàng Triều	Thành viên	330	15.755.139	NĐD phần vốn của Công ty CP Nhiệt điện Bà Rịa
04	Ông Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên	56.435	9.453.083	NĐD phần vốn của Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại
05	Bà Nguyễn Thị Hương Giang	Thành viên	-	3.151.027	NĐD phần vốn của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 2



## Hoạt động của Hội đồng quản trị:



- Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và tình hình yêu cầu thực tế của Công ty. Trong năm 2021, Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ hàng quý hoặc lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản nhằm đảm bảo nắm bắt toàn diện mọi tình hình của Công ty, đề ra Quyết định, kế hoạch phát triển phù hợp với tình hình thực tế.
- Các Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua với tất cả thành viên đồng ý. Đảm bảo các quy định về những quyền lợi kinh tế thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị.
- Giám sát công tác chỉ đạo và điều hành hoạt động SXKD theo Kế hoạch cả năm 2021; Giám sát việc thực hiện mục tiêu của Ban điều hành, đồng thời có các chỉ đạo, quyết định liên quan đến việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên và của HĐQT Công ty.
- Trong các phiên họp và hoạt động của HĐQT, các thành viên tham gia đầy đủ, đã làm việc với tinh thần trách nhiệm và luôn đạt sự nhất trí cao; Các quyết nghị của HĐQT tuân thủ các quy định điều lệ, quy chế Công ty và pháp luật có liên quan trên cơ sở lợi ích của cổ đông và sự phát triển Công ty.



TT	Số NQ,QĐ	Nội dung	Ngày	Hình thức	Kết quả
01	02/NQ-HĐQT-BDHC	Nghị quyết: Phiên họp ngày 16/01/2021 về việc: - Thông qua Báo cáo của Ban điều hành về KQ thực hiện SXKD năm 2020. - Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.	16/01/2021	Họp	Đã hoàn thành
02	03/NQ- HĐQT-BDHC	Nghị quyết về việc thông qua việc ký kết Hợp đồng mua bán xe Ô tô của Công ty CP Thủy điện Buôn Đôn với Công ty TNHH TMDV Kỹ thuật HKT.	05/02/2021	Xin ý kiến bằng văn bản	Đã hoàn thành
03	04/NQ-HĐQT-BDHC	Nghị quyết về việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021	26/02/2021	Xin ý kiến bằng văn bản	Đã hoàn thành
04	09/NQ-HĐQT-BDHC	Nghị quyết Phiên họp ngày 25/03/2021 về việc thông qua việc bổ nhiệm ông Bùi Cao Vĩ giữ chức vụ TP. Tổng hợp	25/03/2021	Họp	Đã hoàn thành
05	10/NQ- HĐQT-BDHC	Nghị quyết Phiên họp ngày 25/03/2021 về việc thông qua việc bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Trang giữ chức vụ Trưởng phòng KH-KT-VT	25/03/2021	Họp	Đã hoàn thành
06	11/QĐ-HĐQT-BDHC	Quyết định về việc bổ nhiệm chức vụ Trưởng phòng Tổng hợp	25/03/2021		Đã hoàn thành
07	12/QĐ-HĐQT-BDHC	Quyết định về việc bổ nhiệm chức vụ Trưởng phòng KH-KT-VT	25/03/2021		Đã hoàn thành
08	14/QĐ- HĐQT-BDHC	Nghị quyết v/v phê duyệt công tác mua sắm vật tư dự phòng NMTĐ Srêpôk 4A	25/03/2021		Đã hoàn thành
09	16/QĐ- HĐQT-BDHC	Quyết định về việc thành lập Ban tổ chức và các Ban phục vụ ĐHĐCĐ thường niên 2021	25/03/2021		Đã hoàn thành
10	22/QĐ- HĐQT-BDHC	Quyết định về việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Công ty CP Thủy điện Buôn Đôn	19/4/2021	Thông qua ĐHĐCĐ	Đã hoàn thành
11	23/QĐ- HĐQT-BDHC	Quyết định về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty CP Thủy điện Buôn Đôn	19/4/2021	Thông qua ĐHĐCĐ	Đã hoàn thành
12	26/NQ- HĐQT-BDHC	Nghị quyết về việc chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty CP Thủy điện Buôn Đôn	10/6/2021	Xin ý kiến bằng văn bản	Đã hoàn thành



TT	Số NQ,QĐ	Nội dung	Ngày	Hình thức	Kết quả
13	27/NQ- HĐQT-BDHC	Nghị quyết v/v triển khai phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức của Công ty CP Thủy điện Buôn Đôn	26/7/2021	Xin ý kiến bằng văn bản	Đã hoàn thành
14	28/NQ- HĐQT-BDHC	Nghị quyết v/v thông qua việc chi trả cổ tức năm 2020 (phần bằng tiền)	26/7/2021	Xin ý kiến bằng văn bản	Đã hoàn thành
15	30/NQ- HĐQT-BDHC	Nghị quyết vv phê duyệt mua xe ô tô 7 chỗ phục vụ công tác đi lại của Tổ sửa chữa	23/8/2021	Xin ý kiến bằng văn bản	Đã hoàn thành
16	31/NQ- HĐQT-BDHC	Nghị quyết vv phê duyệt xây bổ sung nhà cấp 4 tại đất 1ha	23/8/2021	Xin ý kiến bằng văn bản	Tạm hoãn vô thời hạn do không hiệu quả
17	32/NQ- HĐQT-BDHC	Nghị quyết vv thông qua việc chi trả cổ tức năm 2020	14/9/2021	Xin ý kiến bằng văn bản	Đã hoàn thành
18	33/NQ- HĐQT-BDHC	Nghị quyết vv phê duyệt Quy chế Công bố thông tin Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	26/10/2021	Xin ý kiến bằng văn bản	Đã hoàn thành
19	34/NQ- HĐQT-BDHC	Nghị quyết vv phê duyệt việc sửa đổi nội dung Điều lệ theo vốn điều lệ mới Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	08/11/2021	Xin ý kiến bằng văn bản	Đã hoàn thành
20	37/NQ- HĐQT-BDHC	Nghị quyết phiên họp ngày 25-12-2021	25/12/2021	Họp	Đang thực hiện
21	38/NQ- HĐQT-BDHC	Nghị quyết phê duyệt mua sắm bổ sung dao cách ly giữa máy cắt đầu cực và máy biến áp chính	29/12/2021	Họp	Đang thực hiện
22	39/NQ- HĐQT-BDHC	Nghị quyết phê duyệt quỹ tiền thưởng vượt sản lượng năm 2021	29/12/2021	Họp	Đã thực hiện



# BAN KIỂM SOÁT

## Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu các nhân (CP)	Ngày bắt đầu/không là thành viên BKS
01	Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa	Trưởng ban	61.691	Là Trưởng ban BKS kể từ ngày 23/6/2019
02	Ông Phạm Quốc Thái	Thành viên	131.683	Là thành viên BKS kể từ ngày 23/6/2019
03	Bà Võ Thị Bích Phượng	Thành viên	-	Không là thành viên BKS kể từ ngày 19/4/2021
04	Bà Trần Tuyết Loan	Thành viên	-	Là thành viên BKS kể từ ngày 19/4/2021





# Hoạt động của Ban kiểm soát

- Trong năm 2021, Ban kiểm soát đã triển khai hoạt động theo đúng nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty.
- Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, ban hành, triển khai và thực hiện Nghị quyết của HĐQT.
- Giám sát hoạt động điều hành của Hội đồng quản trị (HĐQT); công tác điều hành của Ban Giám đốc (BGĐ), hoạt động SXKD và tình hình tài chính của Công ty.
- Rà soát việc xây dựng kế hoạch SXKD. Theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.
- Rà soát, kiểm tra, đánh giá các quy trình, chính sách trọng yếu của Công ty, nhằm phát hiện sai sót hoặc rủi ro tiềm ẩn, cảnh báo sớm và kiến nghị HĐQT, BGĐ các giải pháp khắc phục.
- Thẩm định các báo cáo tài chính quý I, II, III, IV và năm 2021, phân tích đánh giá tình hình tài chính của Công ty.
- Tham gia các cuộc họp của HĐQT để nắm bắt tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ.
- Theo dõi việc chấp hành các quy định đối với công ty đại chúng trên sàn chứng khoán về công bố thông tin.
- Trong năm 2021, BKS đã tổ chức 03 phiên họp định kỳ để triển khai chương trình công tác và đánh giá kết quả kiểm tra giám sát. Ngoài ra, BKS cũng thường xuyên trao đổi nội bộ để cập nhật thông tin và xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động.
- Năm 2021, BKS đã hoạt động theo đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty. Thông qua hoạt động, BKS đã đưa ra các ý kiến đồng thời kiến nghị với HĐQT, Ban điều hành (BDH) về các biện pháp tăng cường kiểm soát, giảm thiểu rủi ro, đảm bảo tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động và hoàn thành tốt nhiệm vụ SXKD của Công ty.





# CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích

Nội dung	Số tiền
<b>Thu nhập HĐQT và BKS</b>	<b>1.130.010.354</b>
Trong đó:	
- Thù lao của Chủ tịch HĐQT	144.000.000
- Thù lao của Thành viên HĐQT	336.000.000
- Thù lao của Trưởng Ban kiểm soát	84.000.000
- Thù lao của Thành viên Ban Kiểm soát	144.000.000
<b>Thu nhập của Giám đốc và Người quản lý Công ty</b>	<b>2.606.993.503</b>
Trong đó:	
- Tiền lương của Giám đốc	504.255.472
- Tiền lương của người quản lý Công ty	924.502.480



Quỹ thù lao thực hiện của HĐQT và BKS năm 2021, quỹ khen thưởng Ban điều hành của BDHC được ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 thông qua tại Nghị quyết số 20/NQ-ĐHĐCĐ-BDHC ngày 19/04/2021 của ĐHĐCĐ năm 2021.

- Quỹ thù lao thực hiện của HĐQT và BKS và các cán bộ quản lý năm 2021:

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Số người</b>	<b>Mức thù lao (đồng/tháng)</b>
1	Chủ tịch HĐQT	1	12.000.000
2	Thành viên HĐQT	4	7.000.000
3	Trưởng Ban kiểm soát	1	7.000.000
4	Thành viên Ban kiểm soát	2	6.000.000
5	Người quản trị Công ty	1	3.000.000

- Quỹ khen thưởng Người quản lý là 590 triệu đồng.



---

Tại thời điểm 31/12/2021, BDHC có 05 thành viên HĐQT, 03 thành viên BKS, 03 thành viên BDH. Thù lao HĐQT, BKS, người quản trị công ty và các cán bộ quản lý năm 2021 như sau:

- Tổng chi trả thù lao HĐQT, BKS và người quản trị công ty năm 2021: 744 triệu đồng
- Quỹ khen thưởng Người quản lý: 590 triệu đồng.







Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: 01 hợp đồng trị giá 750 triệu đồng được HĐQT phê duyệt tại Nghị quyết số 03/NQ-HĐQT-BDHC ngày 05/2/2021. Thực hiện vào tháng 02/2021

Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty: Các thành viên HĐQT không kiêm nhiệm các chức danh quản lý trong bộ máy điều hành của Công ty.



## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN**

- Báo cáo Kiểm toán độc lập
- Bảng Cân đối kế toán
- Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh
- Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ
- Thuyết minh Báo cáo tài chính





## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc**  
**của CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUỒN ĐỒN**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31/12/2021 kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy Điện Buồn Đồn, được lập ngày 18/01/2022, từ trang 08 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

TP. HCM, ngày 18 tháng 03 năm 2022

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán Phía Nam

Phó Tổng Giám đốc



**Lê Văn Tuấn**

Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 0479-2018-142-1

**Kiểm toán viên**

**Lê Văn Tân**

Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 4318-2018-142-1







**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN PHÍA NAM**  
**SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES COMPANY LIMITED (AASCS)**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN**

**Báo cáo tài chính**

**Cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31/12/2021**





*Báo cáo tài chính đã được kiểm toán*

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN**

**Báo cáo tài chính**

**Cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31/12/2021**



Được kiểm toán bởi

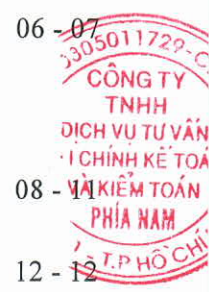
**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)**

Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh



## MỤC LỤC

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
<b>BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b>	03 - 05
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	06 - 07
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
- Bảng cân đối kế toán	08 - 12
- Bảng kết quả hoạt động kinh doanh	12 - 12
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	13 - 14
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính	15 - 42





## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy Điện Buôn Đôn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31/12/2021.

### **I. CÔNG TY**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn (tên viết tắt là: BDHC) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6000884487 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp lần đầu ngày 20 tháng 5 năm 2009, và đăng ký thay đổi lần 9 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 18 tháng 10 năm 2021. Thời gian hoạt động của Công ty là 50 năm kể từ ngày cấp giấy phép đầu tư.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : 630.197.230.000 VND  
Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2021 : 630.197.230.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, 01 Ngô Quyền, P. Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk.

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất, dịch vụ.

#### **3. Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đầu tư như sau:

- Đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện, sản xuất và kinh doanh điện năng;
- Tư vấn, quản lý dự án đầu tư xây dựng, tư vấn lập và thẩm định hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu và thiết kế, xây dựng và mua sắm vật tư thiết bị;
- Trồng, chế biến, bán buôn cà phê;
- Trồng, chế biến, bán buôn sản phẩm cây lâu năm khác;
- Dịch vụ du lịch;
- Quản lý vận hành, bảo dưỡng sửa chữa, cải tạo các thiết bị điện, các công trình thủy công, kiến trúc của nhà máy thủy điện;
- Thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị điện;
- Mua bán xuất nhập khẩu vật tư thiết bị;
- Nhận thầu xây lắp các công trình thủy lợi - thủy điện, công trình đường dây, trạm biến thế, các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, các công trình giao thông;
- Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Trồng, chế biến, sản xuất, bán buôn cao su tổng hợp.

### **II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 31/12/2021 được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

### **III. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2021 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

### **IV. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, KẾ TOÁN TRƯỞNG VÀ ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

#### **Hội đồng quản trị**

Ông	Vũ Thành Danh	Chủ tịch
Ông	Trần Hoài Nam	Thành viên
Ông	Lê Hoàng Triều	Thành viên
Ông	Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên
Bà	Nguyễn Thị Hương Giang	Thành viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông	Trương Hải Quang	Giám đốc
-----	------------------	----------

#### **Ban kiểm soát**

Bà	Nguyễn Thị Thanh Hoa	Trưởng ban
Ông	Phạm Quốc Thái	Thành viên
Bà	Trần Tuyết Loan	Thành viên

#### **Đại diện pháp luật**

Ông	Trương Hải Quang
-----	------------------

#### **Kế toán trưởng**

Ông	Phạm Văn Tùng
-----	---------------

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

### **V. KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

### **VI. CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31/12/2021. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.





## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

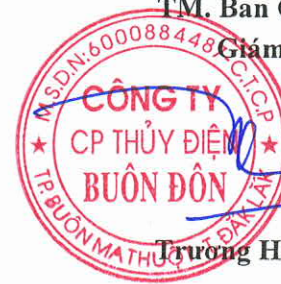
Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm 2021, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Đắk Lắk, ngày 18 tháng 03 năm 2022

**TM. Ban Giám đốc**

**Giám đốc**



**Trương Hải Quang**





## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc  
của CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐƠN**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31/12/2021 kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy Điện Buôn Đơn, được lập ngày 18/01/2022, từ trang 08 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

TP. HCM, ngày 18 tháng 03 năm 2022  
Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam  
Phó Tổng Giám đốc



**Lê Văn Tuấn**

Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 0479-2018-142-1

Kiểm toán viên

**Lê Văn Tân**

Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 4318-2018-142-1



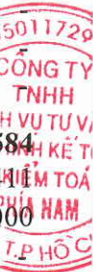


## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>288.579.539.412</b>	<b>285.533.889.535</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>80.085.025.222</b>	<b>70.404.716.146</b>
1. Tiền	111		2.085.025.222	50.404.716.146
2. Các khoản tương đương tiền	112		78.000.000.000	20.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>200.086.687.927</b>	<b>207.137.735.584</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	105.247.532.066	102.724.983.411
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		125.400.000	101.299.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3	94.713.755.861	104.311.453.173
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.4</b>	<b>7.865.541.212</b>	<b>7.602.725.105</b>
1. Hàng tồn kho	141		7.865.541.212	7.602.725.105
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>542.285.051</b>	<b>388.712.700</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	542.285.051	388.712.700
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.261.576.644.523</b>	<b>1.389.356.805.342</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>53.500.000</b>	<b>53.500.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.3	53.500.000	53.500.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-





## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.177.403.052.303</b>	<b>1.303.288.094.126</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	1.173.767.963.538	1.299.700.152.153
- Nguyên giá	222		1.835.845.875.870	1.833.604.813.259
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(662.077.912.332)	(533.904.661.106)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	3.635.088.765	3.587.941.973
- Nguyên giá	228		3.773.470.000	3.693.470.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(138.381.235)	(105.528.027)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.5</b>	<b>2.317.669.508</b>	<b>2.317.669.508</b>
1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.5	2.317.669.508	2.317.669.508
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>81.802.422.712</b>	<b>83.697.541.708</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6	81.802.422.712	83.697.541.708
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>1.550.156.183.935</b>	<b>1.674.890.694.877</b>



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

*Đơn vị tính: VND*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>729.587.825.539</b>	<b>919.546.524.367</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>178.834.014.275</b>	<b>205.604.203.103</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	1.547.831.717	6.643.312.378
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	14.044.825.083	17.666.682.710
4. Phải trả người lao động	314		4.893.276.212	4.151.348.021
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	9.656.375.149	9.921.454.805
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	4.989.512.769	5.528.685.796
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.9	139.405.200.000	157.526.460.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.296.993.345	4.166.259.393
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>550.753.811.264</b>	<b>713.942.321.264</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.9	550.753.811.264	713.942.321.264
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học, công nghệ	343		-	-





## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>820.568.358.396</b>	<b>755.344.170.510</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.14</b>	<b>820.568.358.396</b>	<b>755.344.170.510</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.14	630.197.230.000	600.189.420.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	V.14	630.197.230.000	600.189.420.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.14	10.824.284.000	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.14	5.254.120	5.254.120
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.14	179.541.590.276	155.149.496.390
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		82.816.883.716	82.987.601.531
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		96.724.706.560	72.161.894.859
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>1.550.156.183.935</b>	<b>1.674.890.694.877</b>



Người lập biểu

Lê Thị Kiều Vi

Kế toán trưởng

Phạm Văn Tùng

Lập, ngày 18 tháng 01 năm 2022

Giám đốc



Trương Hải Quang



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>VI.1</b>	<b>328.406.492.988</b>	<b>318.358.790.493</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>		<b>328.406.492.988</b>	<b>318.358.790.493</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	186.404.483.401	186.650.371.703
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>142.002.009.587</b>	<b>131.708.418.790</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.800.320.659	1.304.066.092
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	26.502.368.674	42.936.368.586
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		26.501.996.341	42.915.955.921
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	15.380.951.258	14.677.232.829
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}</b>	<b>30</b>		<b>101.919.010.314</b>	<b>75.398.883.467</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.6	-	3.347.188.996
12. Chi phí khác	32	VI.7	-	2.077.305.473
<b>13. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>-</b>	<b>1.269.883.523</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>101.919.010.314</b>	<b>76.668.766.990</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	5.194.303.754	4.506.872.131
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>96.724.706.560</b>	<b>72.161.894.859</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	1.594	1.246
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	1.594	1.246

Lập, ngày 18 tháng 01 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Lê Thị Kiều Vi

Phạm Văn Tùng

Trương Hải Quang



## **BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

**Năm 2021**

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>101.919.010.314</b>	<b>76.668.766.990</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		128.206.104.434	128.561.882.879
- Các khoản dự phòng	03		-	
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		62.439	(1.148.553)
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.728.884.585)	1.272.905.729
- Chi phí lãi vay	06		26.501.996.341	40.516.958.350
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>254.898.288.943</b>	<b>247.019.365.395</b>
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(1.248.647.343)	14.213.508.310
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(262.816.107)	6.607.186.847
- (Tăng)/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(4.112.324.825)	28.416.209.169
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		1.741.546.645	(1.508.136.701)
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(28.130.453.652)	(46.759.705.346)
- Thuế TNDN đã nộp	15		(7.921.070.120)	(4.045.530.703)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.422.414.374)	(1.212.856.388)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>213.542.109.167</b>	<b>242.730.040.583</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.321.062.611)	(779.669.325)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	309.792.646
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(296.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	262.500.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.728.884.585	1.272.905.729
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(592.178.026)</b>	<b>(33.196.970.950)</b>



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		138.499.900.000	90.249.308.409
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(311.509.975.000)	(244.382.813.235)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(30.259.484.626)	(44.160.778.175)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(203.269.559.626)</b>	<b>(198.294.283.001)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>9.680.371.515</b>	<b>11.238.786.632</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>70.404.716.146</b>	<b>59.166.017.289</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(62.439)	(87.775)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>80.085.025.222</b>	<b>70.404.716.146</b>

Người lập biểu



Lê Thị Kiều Vi

Kế toán trưởng



Phạm Văn Tùng

Lập, ngày 18 tháng 01 năm 2022

Giám đốc



Trương Hải Quang



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm 2021**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn (tên viết tắt là: BDHC) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6000884487 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp lần đầu ngày 20 tháng 5 năm 2009, và đăng ký thay đổi lần 9 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 18 tháng 10 năm 2021. Thời gian hoạt động của Công ty là 50 năm kể từ ngày cấp giấy phép đầu tư.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng : 630.197.230.000 VND

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2021 : 630.197.230.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, 01 Ngô Quyền, P. Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk.

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất, dịch vụ.

#### **3. Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đầu tư như sau:

- Đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện, sản xuất và kinh doanh điện năng;
- Tư vấn, quản lý dự án đầu tư xây dựng, tư vấn lập và thẩm định hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu và thiết kế, xây dựng và mua sắm vật tư thiết bị;
- Trồng, chế biến, bán buôn cà phê;
- Trồng, chế biến, bán buôn sản phẩm cây lâu năm khác;
- Dịch vụ du lịch;
- Quản lý vận hành, bảo dưỡng sửa chữa, cải tạo các thiết bị điện, các công trình thủy công, kiến trúc của nhà máy thủy điện;
- Thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị điện;
- Mua bán xuất nhập khẩu vật tư thiết bị;
- Nhận thầu xây lắp các công trình thủy lợi - thủy điện, công trình đường dây, trạm biến thế, các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, các công trình giao thông;
- Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Trồng, chế biến, sản xuất, bán buôn cao su tổng hợp.

#### **4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng**

#### **5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Không có

### **II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **1. Kỳ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

#### **2. Đơn vị tiền tệ**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).





## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

#### 1. Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

##### a. Tỷ giá đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại;

Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán;

- Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh được áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định bằng tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh;

- Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

##### b. Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ;

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính và số chênh lệch còn lại sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.





## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

### **Năm 2021**

#### **Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế**

Lãi suất thực tế được áp dụng khi chiết khấu dòng tiền giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại để xác định giá trị phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi.

Lãi suất thực tế Công ty áp dụng là lãi suất Công ty có thể đi vay bằng khế ước thông thường trong điều kiện sản xuất, kinh doanh diễn ra bình thường và không trái với quy định của Ngân hàng Nhà nước.

#### **2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

##### **a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

##### **b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền**

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

##### **c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác**

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, bên Nợ các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế và bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:

- Số dư ngoại tệ: theo tỷ giá mua ngoại tệ thực tế của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

#### **3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

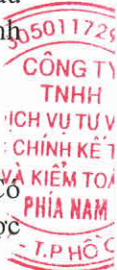
Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

##### **Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.





## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

**Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:** các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### b. Các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong kỳ. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;

- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận là chi phí tài chính trong kỳ.

**Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác:** khoản tổn thất do công ty con, liên doanh, liên kết bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

### 4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;

- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;

- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua-bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2021

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**Dự phòng nợ phải thu khó đòi:** các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

### 5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

#### a. Nguyên tắc ghi nhận

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

#### b. Phương tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo một trong các phương pháp: bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập.

#### c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

#### d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

### 6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được theo dõi chi tiết nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Trong quá trình sử dụng, Công ty trích khấu hao TSCĐ vào chi phí SXKD đối với TSCĐ có liên quan đến SXKD. Riêng TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất thì chỉ tính khấu hao đối với những TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 40 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	05 năm
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không tính khấu hao
- Quyền sử dụng đất có thời hạn	46 năm
- Phần mềm máy tính	03 năm





## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2021

### 7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

### 8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ (trừ các khoản người mua trả tiền trước; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc Công ty không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

### 9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

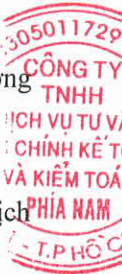
Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Phân loại các khoản phải vay và nợ phải trả thuê tài chính khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại hơn 12 tháng được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản vay, nợ thuê tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.





## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

### 10. Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

### 11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

### 12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

#### a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án ... chỉ được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu phát hành cổ phiếu phát sinh khi công ty phát hành loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu xác định được quy định sẵn trong phương án phát hành. Giá trị cầu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi là chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và giá trị cầu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, giá trị quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận riêng biệt trong phần vốn đầu tư của chủ sở hữu. Khi đáo hạn trái phiếu, kế toán quyền chọn này sang thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác phản ánh vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (theo quy định hiện hành).





## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm 2021**

### **b. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

### **13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

#### **a. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### **b. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### **c. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

#### **d. Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác**

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...





## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2021

### 14. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho, dự phòng giảm giá và tổn thất hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

### 15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

### 16. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ. Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

### 17. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, CP thuế TNDN hoãn lại

#### a. Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

#### b. Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

#### c. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án đầu tư Nhà máy Thủy điện Srepok 4A như sau:

Miễn thuế 4 năm kể từ năm 2014 (từ năm 2014 đến năm 2017);

Áp dụng thuế suất 10% trong thời hạn 15 năm kể từ năm 2014 (từ năm 2014 đến năm 2028);

Giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo (từ năm 2018 đến năm 2026)





## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

### d. Tiền thuê đất

Miễn tiền thuê đất cho cả thời hạn thuê

Miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; trường hợp dự án có nhiều hạng mục công trình hoặc giai đoạn xây dựng độc lập với nhau thì miễn tiền thuê theo từng hạng mục hoặc giai đoạn xây dựng độc lập đó; trường hợp không thể tính riêng được từng hạng mục hoặc giai đoạn xây dựng độc lập thì thời gian xây dựng được tính theo hạng mục công trình có tỷ trọng vốn lớn nhất.

### e. Các loại thuế khác nộp theo quy định hiện hành

#### 18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

**19. Báo cáo bộ phận:** Công ty không phát sinh báo cáo bộ phận do sản phẩm tiêu thụ của công ty chủ yếu tại nhà máy ở Đắk Lắk và chỉ có một loại sản phẩm là điện.

#### 20. Công cụ tài chính

##### a. Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn;
- Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường;
- Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu tài sản tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua, phát hành.



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm 2021**

### **b. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm:

- Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là nợ phải trả được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Việc phân loại nợ phải trả tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tất cả nợ phải trả tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

*Đơn vị tính: VND*

#### 1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	99.711.718	117.605.731
- Tiền gửi không kỳ hạn	1.985.313.504	50.287.110.415
+ Tiền gửi (VND)	1.964.659.803	50.265.965.596
Ngân hàng TMCP Phương Đông Việt Nam	-	6.982.634
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	1.420.760.937	107.236.724
Ngân hàng SMBC	6.960.505	49.484.440.930
Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM	536.938.361	667.305.308
+ Tiền gửi (USD)	20.653.701	21.144.819
Ngân hàng TMCP Phương Đông Việt Nam	-	1.902.182
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	16.644.467	16.946.625
Ngân hàng SMBC	4.009.234	2.296.012
- Các khoản tương đương tiền	78.000.000.000	20.000.000.000
+ Tiền gửi có kỳ hạn		
Tiền gửi kỳ hạn không quá 3 tháng tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	4.000.000.000	-
Tiền gửi kỳ hạn không quá 3 tháng tại ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM	74.000.000.000	20.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>80.085.025.222</u></b>	<b><u>70.404.716.146</u></b>

#### 2. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Ngắn hạn</b>		
Công ty Mua Bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	105.247.532.066	102.724.983.411
<b>Cộng</b>	<b><u>105.247.532.066</u></b>	<b><u>102.724.983.411</u></b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2021

**3 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>3.1. Ngắn hạn</b>				
- Lãi dự thu của các khoản tiền gửi có kỳ hạn	81.008.221	-	42.849.317	-
- Tạm ứng	9.000.000	-	12.000.000	-
- Công ty Mua bán Điện (*)	94.346.904.993	-	102.646.599.993	-
- Phải thu người lao động	165.758.567	-	48.563.568	-
- Phải thu khác	111.084.080	-	1.561.440.295	-
<b>Cộng</b>	<b>94.713.755.861</b>	<b>-</b>	<b>104.311.453.173</b>	<b>-</b>
<b>3.2. Dài hạn</b>				
- Ký quỹ	53.500.000	-	53.500.000	-
<b>Cộng</b>	<b>53.500.000</b>	<b>-</b>	<b>53.500.000</b>	<b>-</b>

**(\*) Ghi chú:**

Đây là khoản tiền do Công ty tạm tính khi đánh giá lại chênh lệch tỷ giá của khoản vay nước ngoài có gốc ngoại tệ mà Công ty Mua bán Điện thuộc Tập đoàn điện lực Việt Nam phải trả cho Công ty, theo quy định tại thông tư 56/2014/TT-BCT ngày 19/12/2014 của Bộ Công Thương quy định về phương pháp tính giá điện, trình tự kiểm tra hợp đồng mua bán điện.

Thực hiện quy định tại Thông tư 56/2014/TT-BCT, ngày 06 tháng 3 năm 2018, Bộ công thương ban hành Quyết định số 713/QĐ-BTC về việc thanh toán chênh lệch tỷ giá cho các đơn vị phát điện, Công ty Mua bán điện đã thanh toán tiền chênh lệch tỷ giá cho năm 2016, 2017. Căn cứ vào Quyết định số 3599/QĐ-BCT ngày 31/12/2020 và biên bản họp ngày 31/03/2021, Công ty Mua bán điện đã thanh toán tiền chênh lệch tỷ giá cho năm 2018 là: 14.754.085.500 VND.

**4 . HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	1.425.669.352	-	1.004.501.943	-
- Công cụ, dụng cụ	6.439.871.860	-	6.598.223.162	-
- Hàng hóa	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>7.865.541.212</b>	<b>-</b>	<b>7.602.725.105</b>	<b>-</b>

**Ghi chú:**

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: không có



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2021

**5. TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN****Xây dựng cơ bản dở dang**

- Xây dựng cơ bản
- + Chi phí đầu tư

**Cộng**

Số cuối năm	Số đầu năm
2.317.669.508	2.317.669.508
2.317.669.508	2.317.669.508
<b>2.317.669.508</b>	<b>2.317.669.508</b>

**6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC****6.1. Ngắn hạn**

- Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ
- Chi phí bảo hiểm
- Chi phí thuê văn phòng
- Phí đại lý
- Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng, dịch vụ

**Cộng**

Số cuối năm	Số đầu năm
162.120.062	23.896.435
226.160.755	217.167.005
72.272.728	71.883.118
57.612.500	58.150.000
24.119.006	17.616.142
<b>542.285.051</b>	<b>388.712.700</b>

**6.2. Dài hạn**

- Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng
- Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ
- Chi phí sửa chữa, cải tạo tài sản

**Cộng**

Số cuối năm	Số đầu năm
81.482.458.033	83.197.853.717
315.466.479	492.619.391
4.498.200	7.068.600
<b>81.802.422.712</b>	<b>83.697.541.708</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUỒN ĐÓN**

Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, 01 Ngô Quyền, P. Thảng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31/12/2021

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2021

**7 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm (*)	1.293.129.026.468	536.727.234.300	3.197.293.319	551.259.172	-	1.833.604.813.259
Số tăng trong kỳ	417.591.393	198.260.309	1.562.293.636	62.917.273	-	2.241.062.611
- Mua trong kỳ	-	198.260.309	1.562.293.636	62.917.273	-	1.823.471.218
- Đầu tư XDCB hoàn thành	417.591.393	-	-	-	-	417.591.393
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số giảm trong kỳ</b>						
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	1.293.546.617.861	536.925.494.609	4.759.586.955	614.176.445	-	1.835.845.875.870
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	311.546.577.119	219.970.838.115	1.857.751.725	529.494.147	-	533.904.661.106
Số tăng trong kỳ	52.259.912.574	75.584.078.400	305.072.176	24.188.076	-	128.173.251.226
- Khấu hao trong kỳ	52.259.912.574	75.584.078.400	305.072.176	24.188.076	-	128.173.251.226
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số giảm trong kỳ</b>						
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	363.806.489.693	295.554.916.515	2.162.823.901	553.682.223	-	662.077.912.332
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	981.582.449.349	316.756.396.185	1.339.541.594	21.765.025	-	1.299.700.152.153
Tại ngày cuối năm	929.740.128.168	241.370.578.094	2.596.763.054	60.494.222	-	1.173.767.963.538

**Ghi chú:**

- (\*) Nguyên giá TSCĐ của các hạng mục công trình nhà máy thủy điện Strepok 4A đã được điều chỉnh số liệu theo Báo cáo quyết toán chính thức đã được công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC kiểm toán.

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.837.363.739 VND.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2021

**8 . TẶNG, GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Chi tiêu	Quyền sử dụng đất (*)	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	3.693.470.000	-	-	-	-	3.693.470.000
Số tăng trong kỳ	-	-	-	80.000.000	-	80.000.000
- Mua trong kỳ	-	-	-	80.000.000	-	80.000.000
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	3.693.470.000	-	-	80.000.000	-	3.773.470.000
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	105.528.027	-	-	-	-	105.528.027
Số tăng trong kỳ	15.075.432	-	-	17.777.776	-	32.853.208
- Khấu hao trong kỳ	15.075.432	-	-	17.777.776	-	32.853.208
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	120.603.459	-	-	17.777.776	-	138.381.235
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	3.587.941.973	-	-	-	-	3.587.941.973
Tại ngày cuối năm	3.572.866.541	-	-	62.222.224	-	3.635.088.765

**Ghi chú:**

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: không có

- (\*) TSCĐVH là quyền sử dụng đất có thời hạn được UBND tỉnh Đắk Lắk giao cho công ty, có thu tiền sử dụng đất để xây dựng Trụ sở làm việc và nhà quản lý vận hành nhà máy thủy điện Srepok 4A. Chi tiết như sau:

+ Quyền sử dụng 6.326 m2 đất có thời hạn 50 năm, được giao theo Quyết định số 2505/QĐ-UBND ngày 28/09/2010;

+ Quyền sử dụng 3.860 m2 đất có thời hạn 50 năm, được giao theo Quyết định số 2526/QĐ-UBND ngày 30/09/2011;

+ Tài sản cố định vô hình là diện tích đất trồng cây lâu năm với diện tích 838,9 m2 nhận chuyển nhượng đất được công nhận quyền sử dụng đất như giao đất và không thu tiền sử dụng đất.





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2021

**9 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

**9.1. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm		Phát sinh		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>139.405.200.000</b>	<b>139.405.200.000</b>	<b>157.472.130.000</b>	<b>175.593.390.000</b>	<b>157.526.460.000</b>	<b>157.526.460.000</b>
Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM - Chi nhánh Đắk Lắk	5.715.000.000	5.715.000.000	22.410.000.000	38.955.000.000	22.260.000.000	22.260.000.000
Ngân hàng Sumitomo Mitsui (*)	133.690.200.000	133.690.200.000	135.062.130.000	136.638.390.000	135.266.460.000	135.266.460.000
<b>Cộng</b>	<b>139.405.200.000</b>	<b>139.405.200.000</b>	<b>157.472.130.000</b>	<b>175.593.390.000</b>	<b>157.526.460.000</b>	<b>157.526.460.000</b>

(\*) **Ghi chú:** Phát sinh của khoản vay ngoại tệ của Ngân hàng Sumitomo Mitsui bao gồm cả khoản đánh giá chênh lệch tỷ giá trong kỳ và cuối kỳ.

*Chi tiết các khoản vay tại thời điểm cuối kỳ như sau:*

Số/ngày của hợp đồng vay	Bên cho vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Số cuối năm	Hình thức đảm bảo khoản vay
HẾTD Số 24342/20MN/HĐTĐ ngày 17/08/2020 và HẾTD Số 29494/19MN/HĐTĐ ngày 20/08/2019	Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM - Chi nhánh Đắk Lắk	Khế ước có thời hạn trả nợ dưới 1 năm	Theo từng khế ước nhận nợ	5.715.000.000	Tài sản đảm bảo
Hợp đồng tín dụng ngày 27/02/2012	Ngân hàng Sumitomo Mitsui	Khế ước có thời hạn trả nợ dưới 1 năm	Lãi suất theo Libor	133.690.200.000	Tài sản đảm bảo
<b>Cộng</b>				<b>139.405.200.000</b>	





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2021

**9.2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	Số cuối năm		Phát sinh		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay dài hạn</b>	<b>550.753.811.264</b>	<b>550.753.811.264</b>	<b>9.227.730.000</b>	<b>172.416.240.000</b>	<b>713.942.321.264</b>	<b>713.942.321.264</b>
Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM - Chi nhánh Đắk Lắk	83.250.311.264	83.250.311.264		22.410.000.000	105.660.311.264	105.660.311.264
Ngân hàng Sumitomo Mitsui (*)	467.503.500.000	467.503.500.000	9.227.730.000	150.006.240.000	608.282.010.000	608.282.010.000
<b>Cộng</b>	<b>550.753.811.264</b>	<b>550.753.811.264</b>	<b>9.227.730.000</b>	<b>172.416.240.000</b>	<b>713.942.321.264</b>	<b>713.942.321.264</b>

**Trong đó: Nợ dài hạn đến hạn trả chuyển sang ngắn hạn**

	Số tiền
Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM - Chi nhánh Đắk Lắk	22.410.000.000
Ngân hàng Sumitomo Mitsui (*)	134.711.850.000
<b>Cộng</b>	<b>157.121.850.000</b>

(\*) Ghi chú: Phát sinh của khoản vay ngoại tệ của Ngân hàng Sumitomo Mitsui bao gồm cả khoản đánh giá chênh lệch tỷ giá trong kỳ và cuối kỳ.

**Chi tiết các khoản vay tại thời điểm cuối kỳ như sau:**

Số/ngày của hợp đồng vay	Bên cho vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Số cuối năm	Hình thức đảm bảo khoản vay
HĐTĐ Số 24342/20MN/HĐTĐ ngày 17/08/2020 và HĐTĐ Số 29494/19MN/HĐTĐ ngày 20/08/2019	Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM - Chi nhánh Đắk Lắk	8 năm	Theo từng khe ước nhận nợ	83.250.311.264	Tài sản đảm bảo
Hợp đồng tín dụng ngày 27/02/2012	Ngân hàng Sumitomo Mitsui	14 năm	Lãi suất theo Libor	467.503.500.000	Tài sản đảm bảo
<b>Cộng</b>				<b>550.753.811.264</b>	





## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

### 10 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>10.1. Ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Xây dựng 470	-	-	4.263.863.301	4.263.863.301
Công ty Cổ phần Cơ điện Miền Trung	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Xây lắp & VTXD 4	1.110.840.804	1.110.840.804	1.110.840.804	1.110.840.804
Công ty TNHH MTV XD Lâm Thành	335.490.913	335.490.913	-	-
Đối tượng khác	101.500.000	101.500.000	268.608.273	268.608.273
<b>Cộng</b>	<b>1.547.831.717</b>	<b>1.547.831.717</b>	<b>6.643.312.378</b>	<b>6.643.312.378</b>

10.2. Số nợ quá hạn chưa thanh toán: không có

10.3. Phải trả người bán là các bên liên quan: Xem phần TM VIII. Mục 3

### 11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
<b>Thuế và các khoản phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	5.162.641.116	33.135.917.792	33.654.692.097	4.643.866.811
+ Phải nộp	5.162.641.116	31.246.001.444	31.764.775.749	4.643.866.811
+ Khấu trừ	-	1.889.916.348	1.889.916.348	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.178.775.928	5.194.303.754	8.102.450.446	1.270.629.236
Thuế thu nhập cá nhân	210.655.505	1.220.538.215	1.127.294.071	303.899.649
Thuế tài nguyên	3.740.885.129	24.738.990.914	25.056.473.816	3.423.402.227
Thuế khác, phí và lệ phí	4.373.725.032	13.148.233.389	13.118.931.261	4.403.027.160
<b>Cộng</b>	<b>17.666.682.710</b>	<b>77.437.984.064</b>	<b>81.059.841.691</b>	<b>14.044.825.083</b>

### 12 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
- Trích trước chi phí lãi vay ngân hàng	4.535.975.395	6.164.432.706
- Trích trước chi phí phí bảo lãnh vay vốn	530.219.501	660.931.896
- Trích trước chi phí thuế nhà thầu nước ngoài	207.399.527	277.922.589
- Trích trước chi phí XD CB các hạng mục khác công trình nhà máy thủy điện	4.333.095.546	2.755.812.232
- Trích trước các khoản chi phí khác	49.685.180	62.355.382
<b>Cộng</b>	<b>9.656.375.149</b>	<b>9.921.454.805</b>

### 13 . PHẢI TRẢ KHÁC

Ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
- Cổ tức phải trả	116.932.576	366.946.202
- Công ty TNHH TM-XNK Hoàng Gia Phát	235.000.000	235.000.000
- Thuế GTGT phải trả	4.637.580.193	4.926.739.594
<b>Cộng</b>	<b>4.989.512.769</b>	<b>5.528.685.796</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUỒN ĐÓN**

Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, 01 Ngõ Quyền, P. Thảng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31/12/2021

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2021

**14 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****14.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Quý khác thuộc chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>529.269.180.000</b>	-	<b>3.424.000</b>	<b>182.725.986.687</b>	<b>711.998.590.687</b>
- Lợi nhuận tăng trong năm trước	-	-	-	72.161.894.859	72.161.894.859
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
- Tăng khác	70.920.240.000	-	1.830.120	-	70.922.070.120
- Trích lập các quỹ	-	-	-	(2.353.963.684)	(2.353.963.684)
+ <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi, ban điều hành</i>	-	-	-	(2.353.963.684)	(2.353.963.684)
- Chia cổ tức	-	-	-	(97.384.421.472)	(97.384.421.472)
+ <i>Bằng tiền</i>	-	-	-	(26.462.351.352)	(26.462.351.352)
+ <i>Bằng cổ phiếu và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu</i>	-	-	-	(70.922.070.120)	(70.922.070.120)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>600.189.420.000</b>	-	<b>5.254.120</b>	<b>155.149.496.390</b>	<b>755.344.170.510</b>
(Số dư đầu kỳ này)					
- Lợi nhuận tăng trong kỳ này	-	-	-	96.724.706.560	96.724.706.560
- Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-
- Tăng khác (*)	30.007.810.000	-	-	181.380.326	30.189.190.326
- Trích lập các quỹ	-	10.824.284.000	-	(12.496.712.000)	(1.672.428.000)
+ <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi, ban điều hành</i>	-	-	-	(1.672.428.000)	(1.672.428.000)
+ <i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	-	10.824.284.000	-	(10.824.284.000)	-
- Chia cổ tức	-	-	-	(60.017.281.000)	(60.017.281.000)
+ <i>Bằng tiền</i>	-	-	-	(30.009.471.000)	(30.009.471.000)
+ <i>Bằng cổ phiếu</i>	-	-	-	(30.007.810.000)	(30.007.810.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>630.197.230.000</b>	<b>10.824.284.000</b>	<b>5.254.120</b>	<b>179.541.590.276</b>	<b>820.568.358.396</b>

**(\* Ghi chú:**

Tăng vốn trong năm 2021 được thực hiện bằng hình thức trả cổ tức bằng cổ phiếu theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 20/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/04/2021.





## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

### 14.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	%	Số đầu năm	%
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4	195.363.720.000	31,0%	186.060.690.000	31,0%
Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Bà Rịa	157.551.390.000	25,0%	150.048.950.000	25,0%
Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại	94.530.830.000	15,0%	90.029.370.000	15,0%
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	31.510.270.000	5,0%	30.009.790.000	5,0%
Nguyễn Văn Luận	50.835.390.000	8,1%	48.132.660.000	8,0%
Các cổ đông khác	100.405.630.000	15,9%	95.907.960.000	16,0%
<b>Cộng</b>	<b>630.197.230.000</b>	<b>100,0%</b>	<b>600.189.420.000</b>	<b>100,0%</b>

### 14.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021	Năm 2020
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	600.189.420.000	529.269.180.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	30.007.810.000	70.920.240.000
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	630.197.230.000	600.189.420.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	(60.017.281.000)	(97.384.421.472)

### 14.4. Cổ phiếu

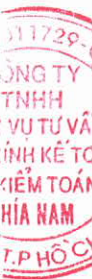
	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	63.019.723	60.018.942
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	63.019.723	60.018.942
+ Cổ phiếu phổ thông	63.019.723	60.018.942
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành cuối kỳ	63.019.723	60.018.942
+ Cổ phiếu phổ thông	63.019.723	60.018.942
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu

### 15. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

#### Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
- USD	913,90	919,40





## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm 2021**

### **VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

*Đơn vị tính: VND*

#### **1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2020</b>
<b>Doanh thu</b>		
- Doanh thu bán hàng (điện thương phẩm)	328.406.492.988	318.358.790.493
<b>Cộng</b>	<b>328.406.492.988</b>	<b>318.358.790.493</b>

#### **2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2020</b>
- Giá vốn hàng hóa đã bán (điện thương phẩm)	186.404.483.401	186.650.371.703
<b>Cộng</b>	<b>186.404.483.401</b>	<b>186.650.371.703</b>

#### **3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2020</b>
- Lãi tiền gửi	1.728.884.585	1.272.905.729
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	71.436.074	30.581.336
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	579.027
<b>Cộng</b>	<b>1.800.320.659</b>	<b>1.304.066.092</b>

#### **4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2020</b>
- Lãi tiền vay	24.498.262.485	40.516.958.350
- Phí đại lý, bảo lãnh tiền vay	2.003.733.856	2.398.997.571
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	309.894	19.872.899
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	62.439	539.766
<b>Cộng</b>	<b>26.502.368.674</b>	<b>42.936.368.586</b>

#### **5. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2020</b>
- Chi phí nhân công	8.455.552.817	7.501.757.139
- Chi phí nguyên, vật liệu	172.037.486	161.030.962
- Chi phí khấu hao	191.827.188	620.939.572
- Chi phí phân bổ đồ dùng văn phòng	392.326.447	121.845.450
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.645.917.457	2.225.422.151
- Các khoản chi phí QLDN bằng tiền khác	4.523.289.863	4.046.237.555
<b>Cộng</b>	<b>15.380.951.258</b>	<b>14.677.232.829</b>

#### **6. THU NHẬP KHÁC**

	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2020</b>
- Xử lý công nợ tồn đọng	-	3.037.396.350
- Các khoản khác	-	309.792.646
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>3.347.188.996</b>



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm 2021**

### **7. CHI PHÍ KHÁC**

	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2020</b>
- Xử lý công nợ tồn đọng	-	1.801.721.644
- Các khoản chi phí khác	-	275.583.829
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>2.077.305.473</b>

### **8. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2020</b>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.576.511.887	5.678.309.075
- Chi phí nhân công	17.581.987.116	15.786.335.079
- Chi phí khấu hao TSCĐ	128.206.104.434	129.016.451.828
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.747.463.757	44.661.541.511
- Chi phí bằng tiền khác	6.673.367.465	6.184.967.039
<b>Cộng</b>	<b>201.785.434.659</b>	<b>201.327.604.532</b>

### **9. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2020</b>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ này	5.194.303.754	4.506.872.131
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ trước được trừ vào kỳ này	-	-
<b>Cộng</b>	<b>5.194.303.754</b>	<b>4.506.872.131</b>

*Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định như sau:*

	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2020</b>
- <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>101.919.010.314</b>	<b>76.668.766.990</b>
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN		
+ Các khoản điều chỉnh tăng	1.967.064.757	3.656.428.335
<i>Chi phí không được trừ khi tính thuế</i>	<i>1.967.127.196</i>	<i>3.656.516.110</i>
<i>Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện (khoản mục tiền)</i>	<i>62.439</i>	<i>(87.775)</i>
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	(229.319.697)
<i>Chi phí được trừ khi tính thuế</i>	<i>-</i>	<i>(229.319.697)</i>
- <b>Chuyển lỗ các năm trước</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
- <b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>103.886.075.071</b>	<b>80.095.875.628</b>
<b>Trong đó :</b>		
Thu nhập hưởng thuế thông thường (20%)	-	3.347.188.996
Thu nhập hưởng thuế suất ưu đãi (5%)	103.886.075.071	76.748.686.632
- <b>Thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế kỳ này</b>	<b>5.194.303.754</b>	<b>4.506.872.131</b>
+ Thuế TNDN theo thuế suất ưu đãi (5%) (*)	5.194.303.754	3.837.434.332
+ Thuế TNDN theo thuế suất thông thường (20%)	-	669.437.799
+ Thuế TNDN được miễn, giảm	-	-

(\*) Thuế TNDN theo thuế suất ưu đãi được quy định theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 8511552116 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp chứng nhận lần đầu ngày 03/02/2010 và thay đổi lần thứ hai ngày 04/01/2017.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

### 10 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2021	Năm 2020
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	96.724.706.560	72.161.894.859
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế (**)		(1.672.428.000)
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân kỳ này	60.677.447	56.591.130
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.594</b>	<b>1.246</b>

**(\*\*) Ghi chú:**

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2021 chưa được trích lập theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 20/NQ-ĐHĐCD ngày 19/04/2021.

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2020 được hồi tố theo hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 20/12/2014 của Bộ Tài chính.

### 11 . LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2021	Năm 2020
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	96.724.706.560	72.161.894.859
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	-	(1.672.428.000)
Số lượng CP phổ thông dự kiến phát hành thêm	-	-
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân kỳ này (***)	60.677.447	56.591.130
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>1.594</b>	<b>1.246</b>

(\*\*\*) Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được xác định như sau:

	Năm 2021	Năm 2020
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân đầu kỳ	60.018.942	52.926.918
<i>Số lượng CP phát hành</i>	<i>3.000.781</i>	<i>7.092.024</i>
<i>Ngày phát hành</i>	<i>14/10/2021</i>	<i>29/06/2020</i>
<i>Số ngày lưu hành</i>	<i>79</i>	<i>186</i>
Số lượng CP bình quân phát hành thêm trong kỳ = (Số lượng CP phát hành * Số ngày lưu hành/360 ngày)	658.505	3.664.212
Số lượng CP phổ thông bình quân mua lại trong kỳ	-	-
Số lượng CP phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	60.677.447	56.591.130

### VII . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1 . CÁC GIAO DỊCH KHÔNG BẰNG TIỀN ẢNH HƯỞNG TỚI BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TRONG TƯƠNG LAI: không có

2 . CÁC KHOẢN TIỀN DO DOANH NGHIỆP NẮM GIỮ NHƯNG KHÔNG SỬ DỤNG: không có

#### 3 . SỐ TIỀN ĐI VAY THỰC THU TRONG KỲ

- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường

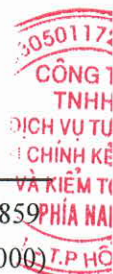
138.499.900.000

#### 4 . SỐ TIỀN ĐÃ TRẢ THỰC GỐC VAY TRONG KỲ

- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường

Năm 2021

311.509.975.000





## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

### VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG, KHOẢN CAM KẾT VÀ NHỮNG THÔNG TIN TÀI CHÍNH KHÁC: không có
2. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN: Không có
3. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

#### 3.1. Bên có liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4	Cổ đông
Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Bà Rịa	Cổ đông
Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại	Cổ đông
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	Cổ đông
Công ty TNHH TMDV Kỹ thuật HTK	Giám đốc của Công ty TNHH TMDV Kỹ thuật HTK là Vợ của Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đơn

#### 3.2. Giao dịch với bên có liên quan

- Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị; Giám đốc và Người quản lý như sau:

	Năm 2021	Năm 2020
Thu nhập HĐQT và BKS	1.130.010.354	1.141.100.000
<b>Trong đó:</b>		
- Thù lao của Chủ tịch HĐQT	144.000.000	144.000.000
- Thù lao của Thành viên HĐQT	336.000.000	336.000.000
- Thù lao của Trưởng Ban kiểm soát	84.000.000	84.000.000
- Thù lao của Thành viên Ban Kiểm soát	144.000.000	144.000.000
Thu nhập của Giám đốc và Người quản lý Công ty	2.606.993.503	1.268.809.411
<b>Trong đó:</b>		
- Tiền lương của Giám đốc	504.255.472	472.058.527
- Tiền lương của Người quản lý Công ty	924.502.480	647.912.246

- Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty với các bên có liên quan trong kỳ:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2021
Công ty TNHH TMDV Kỹ thuật HTK	Mua xe ô tô	750.000.000

- Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư phải trả người bán giữa Công ty với các bên có liên quan: Không có





## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm 2021**

### **4 THÔNG TIN VỀ BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thỏa mãn 1 trong 2 điều kiện theo lĩnh vực kinh doanh hay theo vị trí địa lý theo quy định tại Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính V/v hướng dẫn thực hiện 06 Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ Tài chính.

### **5. QUẢN LÝ RỦI RO CỦA CÔNG TY**

#### **5.1. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu chuyển đổi, các khoản đặt cọc và các khoản đầu tư tài chính.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

##### **a. Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

##### **b. Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

#### **5.2. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng và từ hoạt động tài chính bao gồm tiền gửi ngân hàng, ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

##### **a. Đối với khoản phải thu khách hàng**

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

##### **b. Đối với tiền gửi ngân hàng**

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

#### **5.3. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.





## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Phần lớn phát sinh nghĩa vụ phải trả của Công ty đều được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi và các khoản phải thu và tài sản có kỳ hạn ngắn hạn. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro thanh khoản đối với việc thực hiện nghĩa vụ tài chính là thấp.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp với các khoản vay ở mức độ mà Ban Giám đốc cho là đủ đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	<b>&lt; 1 năm</b>	<b>Từ 01 - 05 năm</b>	<b>&gt; 5 năm</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối năm</b>				
Vay và nợ	139.405.200.000	548.353.811.264	2.400.000.000	690.159.011.264
Phải trả người bán	1.547.831.717	-	-	1.547.831.717
Chi phí phải trả	9.656.375.149	-	-	9.656.375.149
Các khoản phải trả khác	23.927.614.064	-	-	23.927.614.064
<b>Số đầu năm</b>				
Vay và nợ	157.526.460.000	708.342.321.264	5.600.000.000	871.468.781.264
Phải trả người bán	6.643.312.378	-	-	6.643.312.378
Chi phí phải trả	9.921.454.805	-	-	9.921.454.805
Các khoản phải trả khác	27.346.716.527	-	-	27.346.716.527

### 6. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính như sau:

	<b>Giá trị sổ sách</b>		<b>Giá trị hợp lý</b>	
	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	80.085.025.222	70.404.716.146	80.085.025.222	70.404.716.146
Phải thu khách hàng	105.247.532.066	102.724.983.411	105.247.532.066	102.724.983.411
Trả trước cho người bán	125.400.000	101.299.000	125.400.000	101.299.000
Các khoản phải thu khác	94.767.255.861	104.364.953.173	94.767.255.861	104.364.953.173
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả cho người bán	1.547.831.717	6.643.312.378	1.547.831.717	6.643.312.378
Người mua trả tiền trước	-	-	-	-
Vay và nợ	690.159.011.264	871.468.781.264	690.159.011.264	871.468.781.264
Phải trả người lao động	4.893.276.212	4.151.348.021	4.893.276.212	4.151.348.021
Chi phí phải trả	9.656.375.149	9.921.454.805	9.656.375.149	9.921.454.805
Các khoản phải trả khác	4.989.512.769	5.528.685.796	4.989.512.769	5.528.685.796

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được công ty lấy bằng giá trị ghi sổ tại ngày kết thúc niên độ kế toán.



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm 2021**

**7. ĐIỀU CHỈNH TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM TRƯỚC DO CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CỦA KỲ NÀY: không có**

**8. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC**

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

**9. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2020, kết thúc tại ngày 31/12/2020 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán.

**Người lập biểu**



**Lê Thị Kiều Vi**

**Kế toán trưởng**



**Phạm Văn Tùng**

*Lập, ngày 18 tháng 01 năm 2022*

**Giám đốc**



**Trương Hải Quang**



**BÁO CÁO**  
**THƯỜNG**  
**NIÊN** | **2021**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN**

*Đã Lỗi ngày 04 tháng 04 năm 2022*

**XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN  
PHÁP LUẬT**

**Giám đốc**



**Trương Hải Quang**

